

**Bản tin**

# Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

**Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ**

*Số 35 ra ngày 28/8/2023*

*Trong số này:*

*Trang*

<b>ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ</b>	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN.....	2
<b>TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG</b>	THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN3	
<b>Phòng Thông tin</b>	TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU .....	4
<b>Xuất nhập khẩu</b>	<i>Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ những tháng cuối năm vẫn đối mặt với nhiều khó khăn. ....</i>	4
655 Phạm Văn Đồng – Bắc Từ Liêm – Hà Nội	<i>Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần.....</i>	8
<b>Bộ phận biên tập:</b>	<i>EU và Mỹ là hai thị trường cung cấp gỗ nguyên liệu lớn nhất vào Việt Nam .....</i>	12
Tel: (024) 22192875	<i>Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần.....</i>	18
Phụ trách nội dung	<i>Tháng 8/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm giảm nhẹ .....</i>	20
ĐD: 0986836889	<i>Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ.....</i>	24
<b>Bộ phận tư vấn thông tin và phát hành:</b>	<b>THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ.....</b>	26
Tel: (024) 37152586	<i>Thị trường gỗ Trung Quốc ghi nhận mức tăng trưởng trong Chỉ số gỗ toàn cầu (GTI).....</i>	26
(024) 37152585	<i>7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu đồ nội thất, giấy và lâm sản của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 4,58 tỷ USD .....</i>	27
(024) 37152584	<b>THAM KHẢO .....</b>	27
Fax: (024) 37152574	<i>Thương vụ Việt Nam tại Malaysia lưu ý về phòng ngừa lừa đảo thương mại.....</i>	27

**Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.**

**Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập**

## THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

### 1. Kinh tế thế giới

Các thông tin công bố trong tuần vừa qua cho thấy các nền kinh tế lớn tiếp tục khó khăn trong tháng 8/2023 khi chỉ số PMI tại cả Mỹ và Eurozone giảm, trong khi khủng hoảng bất động sản vẫn là rủi ro lớn đối với nền kinh tế Trung Quốc.

Tại Mỹ, hoạt động kinh tế khu vực tư nhân tại nước này gần như trì trệ trong bối cảnh nhu cầu giảm. Theo kết quả khảo sát sơ bộ của S&P Global, Chỉ số PMI Flash tổng hợp của Mỹ tháng 8/2023 ở mức 50,4, mức thấp nhất 6 tháng, giảm so với mức 52 của tháng 7/2023. Trong đó, hoạt động sản xuất tiếp tục giảm với PMI Flash sản xuất giảm từ 49 của tháng 7/2023 xuống 47 trong tháng 8/2023; hoạt động kinh doanh dịch vụ tăng trưởng chậm lại khi PMI giảm từ 52,3 trong tháng 7/2023 xuống 51 trong tháng 8/2023, mức thấp nhất 6 tháng. Nhu cầu của khách hàng yếu khiến hoạt động toàn nền kinh tế chậm lại.

Trong khi theo kết quả khảo sát của Bloomberg tiến hành từ ngày 11 - 16/8/2023, các chuyên gia ở nước này đã nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ trong năm nay, mặc dù Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) có thể sẽ kéo dài thời gian neo lãi suất ở mức cao. Theo đó, các nhà kinh tế dự báo Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của nền kinh tế lớn nhất thế giới sẽ tăng 1,8% trong quý III/2023, cao hơn gần 4 lần mức dự báo chỉ 0,5% đưa ra vào tháng 7/2023 và sẽ tiếp tục tăng trưởng trong quý IV/2023. Trong đó, chi tiêu của người tiêu dùng, chiếm khoảng 66% GDP Mỹ, được các chuyên gia coi là động lực thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ. Thị trường việc làm mạnh sẽ tiếp tục thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng.

Tại Trung Quốc: Bên cạnh áp lực từ nhu cầu trong và ngoài nước giảm, sự phục hồi kinh tế của Trung Quốc còn đang chịu áp lực nặng nề từ sự sụt giảm của thị trường bất động sản. Đầu tư bất động sản của Trung Quốc tiếp tục giảm trước lo ngại về một cuộc khủng hoảng nợ của một công ty bất động sản hàng đầu và doanh số bán nhà tiếp tục giảm làm kìm hãm sự phục hồi của lĩnh vực này. Trước những khó khăn của nền kinh tế, ngày 21/8/2023, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) đã hạ lãi suất cơ bản trong nỗ lực ngăn chặn đà giảm tốc của nền kinh tế. Theo đó, PBoC quyết định hạ lãi suất cơ bản khoản vay (LPR) kỳ hạn một năm, lãi suất chuẩn cho các khoản vay của doanh nghiệp, từ 3,55% xuống 3,45%, trong khi duy trì lãi suất LPR kỳ hạn 5 năm, áp dụng cho các khoản vay thế chấp, ở mức 4,2%. Đây là mức lãi suất thấp kỷ lục. Quyết định hạ lãi suất của PBoC nhằm khuyến khích các ngân hàng thương mại đẩy mạnh cho vay với mức lãi suất hấp dẫn hơn.

Tại châu Âu: Hoạt động kinh tế tại khu vực Eurozone tiếp tục thu hẹp khi dịch vụ không còn là điểm sáng, kéo theo ngành công nghiệp rơi vào suy thoái. Dữ liệu mới nhất từ cuộc khảo sát nhanh Chỉ số người quản trị mua hàng của HCOB cho thấy sự thu hẹp của lĩnh vực sản xuất tại khu vực Eurozone đã chậm lại, nhưng lĩnh vực dịch vụ lại giảm trong tháng 8/2023. Theo đó, chỉ số PMI Flash lĩnh vực sản xuất tại khu vực đồng tiền chung châu Âu đã tăng lên 43,7 trong tháng 8/2023, cao hơn so với mức dự báo là 42,6 và cao hơn mức 42,7 của tháng 7/2023, đạt mức cao nhất trong 3 tháng. Trong khi đó, chỉ số PMI ngành dịch vụ lại giảm xuống 48,3 trong tháng 8/2023, từ mức 50,9 trong tháng 7/2023, mức thấp nhất trong 30 tháng và thấp hơn nhiều so với dự báo 50,5. Chỉ số PMI Flash tổng hợp của HCOB tại Khu vực đồng Euro giảm xuống 47,0 trong tháng 8/2023 so với 48,5 dự báo và mức 48,6 của tháng 7/2023, mức thấp nhất trong 33 tháng.

### 2. Kinh tế trong nước

Những thông tin trong tuần cho thấy kinh tế trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn khi tín dụng toàn nền kinh tế tăng trưởng chậm và hoạt động xuất khẩu tháng 8/2023 giảm trở lại.

Theo Ngân hàng Nhà nước, tăng trưởng tín dụng tính đến hết tháng 7/2023 đạt

## **Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

khoảng 12,47 triệu tỷ đồng, chỉ tăng 4,56% so với đầu năm, trong khi định hướng tăng trưởng cả năm là 14-15%. Tín dụng thậm chí giảm trong tháng 7/2023 do khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế kém, nhiều doanh nghiệp suy giảm tài chính, khó tiếp cận vốn vay hơn trước. Như vậy có thể thấy, chính sách tiền tệ dù đã và đang được nới lỏng, thể hiện qua mặt bằng lãi suất liên tục đi xuống, nhưng tăng trưởng tín dụng vẫn khá trì trệ.

Trong khi đó, sau 3 tháng tăng trưởng liên tiếp, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong tháng 8/2023 chững lại và giảm 1,9% so với tháng trước, ước đạt 29,5 tỷ USD, giảm 15,8% so với tháng 8/2022. Với kết quả này, ước tính xuất khẩu hàng hóa của nước ta sau 8 tháng đầu năm 2023 đạt 224,92 tỷ USD, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2023 ước tính tiếp tục tăng tháng thứ 4 liên tiếp, tăng 6,3% so với tháng trước lên 28,7 tỷ USD. Tuy nhiên, tính chung 8 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch nhập khẩu vẫn giảm 16,2% so với cùng kỳ năm trước, ước đạt 207,64 tỷ USD. Như vậy, trong 8 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước đạt 432,56 tỷ USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm 2022. Điểm sáng là cán cân thương mại ghi nhận mức thặng dư kỷ lục gần 17,3 tỷ USD, gấp 3,3 lần so với kim ngạch xuất siêu 5,25 tỷ USD của cùng kỳ năm trước.

Lạm phát tại các nền kinh tế lớn như Mỹ và EU tiếp tục hạ nhiệt, kỳ vọng nhu cầu tiêu dùng sẽ dần phục hồi trong dịp cuối năm sẽ hỗ trợ hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong các tháng còn lại của năm 2023. Bên cạnh đó, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khẩn trương rà soát, sửa đổi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN theo hướng ngưng hiệu lực thi hành các quy định gây khó khăn, hoàn thành trong ngày 25/8/2023 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận vốn tín dụng cũng sẽ tạo trợ lực cho nền kinh tế.

## **THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN**

### **TRONG NƯỚC:**

- Ước tính, trong tháng 8/2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,1 tỷ USD, giảm 1,9% so với tháng 7/2023 và giảm 22,8% so với tháng 8/2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 742 triệu USD, giảm 0,7% so với tháng 7/2023 và giảm 17% so với tháng 8/2022. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 8,3 tỷ USD, giảm 25,9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 5,6 tỷ USD, giảm 28,4% so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 15/8/2023 đến 22/8/2023 đạt 322,5 triệu USD, tăng 5,2% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 184,4 triệu USD, giảm 0,7% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tháng 8/2023 ước đạt 195 triệu USD, tăng 2,4% so với tháng 7/2023; tuy nhiên so với tháng 8/2022 giảm 31,9%. Tính chung, 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 1,426 tỷ USD, giảm 33,7% so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam tháng 8/2023 đạt 412,4 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 136,1 triệu USD, tăng 2,9% về lượng và tăng 2,4% về trị giá so với tháng 7/2023; tuy nhiên so với tháng 8/2022 lại giảm 30,3% về lượng và giảm 41,2% về trị giá. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 2,936 triệu m<sup>3</sup>, trị giá 1,020 tỷ USD, giảm 27,8% về lượng và giảm 35,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- Trong tuần từ ngày 15/8/2023 đến 23/8/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 38,1 triệu USD, giảm 13,0% so với tuần trước.

## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

- Ước tính, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong tháng 8/2023 đạt 60 triệu USD, giảm 2,8% so với tháng 7/2023 và giảm 2,7% so với tháng 8/2022. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm đạt 481,17 triệu USD, giảm 19,0% so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ ngày 08/8/2023 đến 22/8/2023 đạt 30,30 triệu USD, tăng 6,9% so với kỳ trước (từ ngày 25/7/2023 đến 08/8/2023).

### QUỐC TẾ:

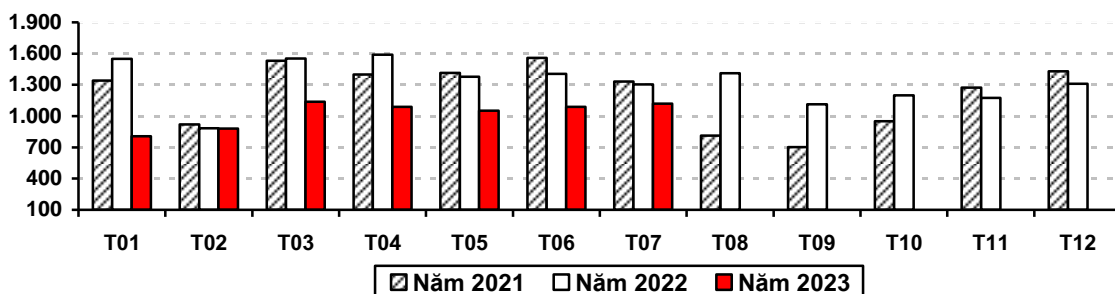
- **Thế giới:** Thị trường gỗ của Trung Quốc đã tăng trưởng vào tháng 7/2023, với Chỉ số Gỗ Toàn cầu (GTI) của quốc gia này đạt 53%, đây là lần thứ hai kể từ tháng 4/2023, chỉ số này vượt ngưỡng 50%, cho thấy sự tăng trưởng của ngành. Tin tức cũng tích cực đối với ngành gỗ ở Gabon, nơi GTI tăng 7 điểm phần trăm trong tháng 7/2023, đạt 51,3%, do các yếu tố như khối lượng khai thác lớn hơn, số lượng nhân công cao hơn trong cả sản xuất và quản lý, và năng động hơn trong vận chuyển.
- **Thổ Nhĩ Kỳ:** Xuất khẩu đồ nội thất, giấy và lâm sản của nước này trong 7 tháng đầu năm 2023 đạt 4,58 tỷ USD. Ngành đồ nội thất, giấy và lâm sản, đạt mục tiêu xuất khẩu đạt 10 tỷ USD trong năm 2023.

## TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

### Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ những tháng cuối năm vẫn đối mặt với nhiều khó khăn.

Ước tính, trong tháng 8/2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,1 tỷ USD, giảm 1,9% so với tháng 7/2023 và giảm 22,8% so với tháng 8/2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 742 triệu USD, giảm 0,7% so với tháng 7/2023 và giảm 17% so với tháng 8/2022. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 8,3 tỷ USD, giảm 25,9% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 5,6 tỷ USD, giảm 28,4% so với cùng kỳ năm 2022.

#### Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2021 - 2023 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vẫn chưa được cải thiện nhiều trong 7 tháng đầu năm 2023, do tình hình kinh tế thế giới tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng hầu hết các nền kinh tế lớn tăng trưởng thấp do tổng cầu suy giảm, chính sách tiền tệ thắt chặt, xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, các nền kinh tế lớn là đối tác xuất khẩu của Việt Nam như Mỹ, EU giảm chi tiêu mua sắm các sản phẩm không thiết yếu, khiến khối lượng đơn đặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ giảm

đáng kể. Mặc dù, trong những tháng gần đây xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đã có tín hiệu tích cực, khi hàng tồn kho tại các thị trường tiêu thụ chính giảm và đơn đặt hàng đã quay trở lại nhưng vẫn chậm. Do đó, các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu vẫn giảm đáng kể trong 7 tháng đầu năm 2023. Dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng ghế khung gỗ đạt 1,5 tỷ USD, giảm 19,3% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là mặt hàng dăm gỗ đạt 1,18 tỷ USD, giảm 18,4%; đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 1,1 tỷ USD, giảm 41,2%; gỗ, ván và ván sàn đạt 955,7 triệu USD, giảm 23,6%... Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ có tín hiệu tích cực, khi đơn hàng xuất khẩu gỗ ở một số thị trường trọng điểm như Mỹ, Châu Âu đã tăng, các doanh nghiệp cũng đã có khách hàng trở lại. Tuy nhiên, đơn hàng chủ yếu trong thời gian ngắn, quy mô nhỏ hơn. Bên cạnh đó, tình hình kinh tế thế giới vẫn chưa có nhiều chuyển biến tích cực, theo đó nhu cầu đối với các mặt hàng không thiết yếu như gỗ và sản phẩm gỗ sẽ không cao. Vì vậy, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ những tháng cuối năm vẫn đối mặt với nhiều khó khăn.

Ngoài những tác động khách quan từ lạm phát và khủng hoảng kinh tế dẫn đến khan hiếm đơn hàng từ các quốc gia lớn như châu Âu và Mỹ thì những nguyên nhân chủ quan dẫn đến những khó khăn, thách thức mà doanh nghiệp ngành gỗ phải đối mặt là ngành gỗ Việt Nam chưa có nhiều lợi thế nổi bật khi cạnh tranh xuất khẩu gỗ với các quốc gia khác, cụ thể:

Các quốc gia trong khu vực có sản lượng gỗ dồi dào như Indonesia, Thái Lan và Malaysia và nhiều quốc gia khác, ngoài ra họ có chi phí lao động và chi phí sản xuất thấp hơn so với Việt Nam. Theo đó cho các sản phẩm gỗ từ những quốc gia này có lợi thế cạnh tranh hơn về chi phí sản phẩm. Bên cạnh đó, việc Trung Quốc mở cửa trở lại cũng tạo nhiều áp lực cạnh tranh đối với mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, đặc biệt là nhóm hàng đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam.

Gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam hạn chế cả về chất lượng và số lượng khi xuất khẩu, bởi ngành gỗ Việt Nam phần lớn còn hoạt động theo hướng thủ công, truyền thống hoặc nếu có cải tiến máy móc trong quá trình sản xuất thì vẫn còn kém xa so với việc áp dụng quy trình sản xuất công nghệ theo hướng công nghiệp 4.0 hiện đại.

Do ngành gỗ đa số tiếp cận thị trường tiêu thụ dựa trên giới thiệu và khách hàng truyền thống, nên hoạt động quảng bá và tiếp thị vẫn chưa cao.

Các quy định mới liên quan đến bảo vệ môi trường của các quốc gia lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản đòi hỏi các doanh nghiệp gỗ tuân thủ các tiêu chuẩn cao hơn và điều này có thể tạo ra áp lực thêm lên ngành gỗ Việt Nam.

Các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn gặp nhiều khó khăn do đơn hàng nước ngoài giảm, thị trường trong nước sức mua không lớn, chi phí đầu vào vẫn ở mức cao, tiếp cận tín dụng còn gặp nhiều khó khăn...

Ngoài ra, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ suy giảm còn do chính sách bảo hộ của các quốc gia đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, do vậy ảnh hưởng tới việc thương mại sản phẩm gỗ của Việt Nam.

*Để giải quyết thực trạng khó khăn, thách thức hiện nay, ngành gỗ Việt Nam cần phải nỗ lực hơn nữa để thích ứng linh hoạt và tự làm mới theo hướng tích cực. Cụ thể;*

Cần đầu tư vào công nghệ và quy trình sản xuất tiên tiến giúp cải thiện chất lượng và tăng giá trị của sản phẩm gỗ. Doanh nghiệp cần tập trung vào việc nâng cao kỹ thuật chế biến gỗ và áp dụng các tiêu chuẩn chất lượng cao. Đồng thời, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển để tạo ra các sản phẩm gỗ có giá trị cao và độc đáo, từ đó thu hút sự quan tâm của thị trường quốc tế.

Quản lý và khai thác gỗ theo hướng bền vững là yếu tố quan trọng để sản phẩm gỗ thuận lợi xuất khẩu. Theo đó doanh nghiệp cùng với nhà nước xây dựng hệ thống quản lý



## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

rừng bền vững và chuỗi cung ứng gỗ theo tiêu chuẩn quốc tế như FSC (Hội Địa phương Sản phẩm gỗ bền vững) để đảm bảo nguồn cung gỗ bền vững và tạo niềm tin cho khách hàng quốc tế.

Xây dựng thương hiệu nhằm tiếp cận thị trường quốc tế là yếu tố quan trọng để nâng cao xuất khẩu gỗ. Các doanh nghiệp cần đẩy mạnh hoạt động quảng bá và tiếp thị, tạo hình ảnh và danh tiếng cho ngành công nghiệp gỗ Việt Nam trên thị trường quốc tế. Đồng thời, cần tìm kiếm và mở rộng các thị trường mới, xây dựng các mối quan hệ đối tác lâu dài với các khách hàng quốc tế và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm gỗ có giá trị cao và độc đáo.

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành gỗ Việt Nam, cần đầu tư công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Đào tạo công nhân, kỹ thuật viên, nhà quản lý có kiến thức và kỹ năng chuyên môn giúp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và quản lý hiệu quả. Đồng thời, cần tạo điều kiện thuận lợi để thu hút và giữ chân nhân tài trong ngành công nghiệp gỗ.

Ngoài ra, việc tận dụng triệt để các cam kết trong các Hiệp định FTA đã ký kết và đang thực thi cũng góp phần thúc đẩy ngành gỗ. Để làm được điều này, cơ quan chức năng cần thông qua tuyên truyền về quy tắc xuất xứ và cấp Giấy chứng nhận xuất xứ, các cơ hội và cách thức tận dụng cơ hội từ các Hiệp định. Đồng thời, tăng cường cảnh báo sớm các vụ kiện phòng vệ thương mại; hướng dẫn doanh nghiệp cách ứng phó với các vụ kiện; kịp thời thông tin cho doanh nghiệp, Hiệp hội về thông tin, nhu cầu, quy định mới của thị trường.

### Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng	Tháng 7/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>1.121.073</b>	<b>-14,9</b>	<b>7.188.450</b>	<b>-26,4</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Ghế khung gỗ	223.115	12,5	1.512.216	-19,3	21,0	19,2
Dăm gỗ	197.441	-27,9	1.181.418	-18,4	16,4	14,8
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	186.627	-23,1	1.114.017	-41,2	15,5	19,4
Gỗ, ván và ván sàn	151.340	-7,2	955.664	-23,6	13,3	12,8
Đồ nội thất phòng ngủ	138.473	-20,0	861.746	-40,2	12,0	14,8
Đồ nội thất nhà bếp	98.707	-21,7	624.718	-24,8	8,7	8,5
Viên gỗ nén	59.885	0,4	380.077	-7,9	5,3	4,2
Đồ nội thất văn phòng	23.494	-29,1	146.457	-34,3	2,0	2,3
Cửa gỗ	4.163	-32,9	23.848	-26,7	0,3	0,3
Đồ gỗ mỹ nghệ	2.428	15,2	14.062	-23,4	0,2	0,2
Khung gương	195	-27,3	1.468	-51,7	0,0	0,0

*Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

#### Về thị trường xuất khẩu:

Tình hình xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ sang Mỹ và châu Âu đã giảm đáng kể từ đầu năm 2023 đến nay do sức tiêu thụ giảm mạnh. Sức mua kém khả quan đến từ tình trạng lạm phát và mặt bằng lãi suất cao ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp gỗ. Trong những tháng cuối năm 2023, mức tiêu thụ các sản phẩm gỗ có khả năng cải thiện khi nền kinh tế Mỹ đang bắt đầu ổn định, hàng tồn đã được tiêu thụ và xu hướng tiêu dùng của người dân và nhu cầu xây dựng tăng trở lại. Sự hồi phục của thị trường nhà đất Mỹ và tiêu dùng sẽ khiến nhu cầu gỗ cải thiện và là động lực tăng

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

trường của toàn ngành gỗ Việt Nam. Bởi gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu tới thị trường Mỹ luôn chiếm 55-60% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của ngành gỗ, do đó bất kỳ một động thái nào từ thị trường này cũng ảnh hưởng rất lớn đến ngành gỗ Việt Nam.

Trong tháng 7/2023, đơn hàng xuất khẩu gỗ ở một số thị trường trọng điểm như Mỹ, Châu Âu đã phục hồi, các doanh nghiệp cũng đã có khách hàng trở lại. Tuy nhiên, đơn hàng chủ yếu trong thời gian ngắn, quy mô nhỏ hơn. Theo đó, triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường này phục hồi chậm.

**Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2023**

Thị trường	Tháng 7/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>1.121.073</b>	<b>-14,9</b>	<b>7.188.450</b>	<b>-26,4</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Mỹ	609.331	-10,8	3.878.333	-30,2	54,0	57,0
Nhật Bản	131.889	-26,7	946.720	-7,7	13,2	10,5
Trung Quốc	161.701	-22,3	865.101	-25,3	12,0	11,9
Hàn Quốc	67.475	-5,7	462.057	-23,3	6,4	6,2
EU	26.267	-28,8	235.590	-41,4	3,3	4,1
Pháp	7.107	0,0	56.433	-28,6	0,8	0,8
Hà Lan	2.516	-17,4	34.959	-39,1	0,5	0,6
Đức	3.381	-48,0	33.862	-56,8	0,5	0,8
Bỉ	3.021	-54,8	22.878	-51,1	0,3	0,5
Tây Ban Nha	3.192	52,6	21.761	-12,1	0,3	0,3
Đan Mạch	1.307	-54,1	14.639	-50,2	0,2	0,3
Ai Len	1.974	38,1	10.986	-29,0	0,2	0,2
Italia	932	-25,7	9.421	-41,4	0,1	0,2
Thụy Điển	854	-58,3	9.128	-52,5	0,1	0,2
Ba Lan	584	-69,2	8.121	-54,8	0,1	0,2
Rumani	419	-18,0	3.213	-27,1	0,0	0,0
Bồ Đào Nha	92	-36,3	2.384	-18,2	0,0	0,0
...						
Canada	15.246	-25,8	106.665	-30,8	1,5	1,6
Anh	13.295	-10,4	105.999	-29,5	1,5	1,5
Malaysia	12.401	-4,0	80.462	-12,7	1,1	0,9
Australia	13.964	-25,5	75.312	-36,3	1,0	1,2
Indonesia	8.105	78,6	53.194	190,1	0,7	0,2
Ấn Độ	13.176	386,8	51.127	250,9	0,7	0,1
Đài Loan	4.868	-27,8	39.352	-20,3	0,5	0,5
Thái Lan	4.444	-33,5	32.992	-20,2	0,5	0,4
Singapore	2.997	-17,8	22.023	-12,6	0,3	0,3
Campuchia	3.346	50,8	17.773	25,8	0,2	0,1
Mexico	2.939	0,8	17.217	-7,3	0,2	0,2
Ả Rập Xê út	1.627	-49,1	16.506	-33,1	0,2	0,3
UAE	2.392	-14,6	10.517	-36,7	0,1	0,2
New Zealand	2.073	-30,5	9.773	-44,8	0,1	0,2
Philippine	1.463	-22,3	8.911	-19,9	0,1	0,1
Thổ Nhĩ Kỳ	0	-100,0	8.756	389,8	0,1	0,0
Chilê	1.650	120,7	8.015	-15,7	0,1	0,1
Puerto Rico	1.278	22,3	6.969	-6,8	0,1	0,1

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tháng 7/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Ixraen	717	15,1	4.819	10,8	0,1	0,0
Reunion	21	-86,6	3.806	548,3	0,1	0,0
Nam Phi	811	-32,5	3.377	-41,4	0,0	0,1
Ai Cập	920	653,2	3.203	-38,1	0,0	0,1
Andora	173	-89,5	3.116	-51,3	0,0	0,1

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

**Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt kim ngạch cao trong tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2023**

Doanh nghiệp	Tháng 7/2023 (nghìn USD)	7 tháng năm 2023 (nghìn USD)
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	28.838	186.739
CTY TNHH TIMBERLAND	19.729	143.482
CTY TNHH HÀO HƯNG	28.178	127.171
CTY TNHH MOTOMOTION VIỆT NAM	17.411	123.468
CTY TNHH JASON FURNITURE VIỆT NAM	17.981	112.224
CTY TNHH MILLENNIUM FURNITURE	17.299	105.392
CTY TNHH THANH THÀNH ĐẠT	30.630	100.939
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VIỆT NAM	10.200	71.267
CTY TNHH NỘI THẤT SANYANG VIỆT NAM	11.021	67.379
CTY CỔ PHẦN NGUYỆT ANH	7.995	65.073
CTY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SINH HỌC PHÚ TÀI	12.244	50.707
CTY TNHH ROCHDALE SPEARS	6.097	47.947
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN ĐẠI DƯƠNG	6.853	41.657
CTY TNHH XNK DẶM GỖ QUẢNG NINH	7.834	39.959
CTY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG	5.825	39.917
CTY TNHH DANH ƯU	4.573	38.030
CTY CỔ PHẦN 12 - 11 HẠ LONG	4.105	37.689
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GRAND WOOD (VIỆT NAM)	7.418	37.257
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÀO HƯNG QUẢNG NGÃI	12.606	35.831
CTY TNHH SX NGUYÊN LIỆU GIẤY VIỆT NHẬT CÁI LÂN	3.470	35.072
CTY TNHH NỘI THẤT GOLDENLAND VIỆT NAM	3.891	34.543
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ KAISER 1 (VIỆT NAM)	5.714	34.428
CTY CỔ PHẦN JOHNSON WOOD	5.018	34.117

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

**Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần**

(Từ ngày 15/8/2023 đến 22/8/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 15/8/2023 đến 22/8/2023 đạt 322,5 triệu USD, tăng 5,2 % so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 184,4 triệu USD, giảm 0,7% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu tới một số thị trường chính trong tuần như: Mỹ đạt 146,6 triệu USD, giảm 0,9% so với tuần trước; tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

9,6 triệu USD, tăng 1%; Canada đạt 4,7 triệu USD, giảm 0,1%; Anh đạt 3,7 triệu USD, tăng 6%; Hàn Quốc đạt 3,4 triệu USD, giảm 13,3%...

**Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Ghế sofa Weekend 220 sofa - Fixed - Range L1 gỗ thông (W2200xD920xH810)	Cái	5	620,0	Cát Lái
	Tủ Yorke 200 TV gỗ sồi (W2000xD450xH550)	Cái	4	360,0	Cát Lái
	Giường tầng TW BB-T460441(1110*2120*1760)mm, gỗ linh sam, ván MDF, ván ép.	Cái	12	314,5	Cát Lái
	Bàn Humla cao 152 gỗ sồi (W1520xD345xH1350)	Cái	2	298,0	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi 30367-006 (870x1640x390mm)	Cái	45	190,7	Cát Lái
Đan Mạch	Ghế sofa gỗ thông bọc vải 3-seater chaise 1408 163*256*86cm	Bộ	1	549,9	Cát Lái
	Tủ Vitrine : sản phẩm hoàn chỉnh ( 800X400X1450mm) gỗ sồi	Cái	9	190,0	Đồng Nai
	Bàn Coffee Table ( 900X900X450mm) gỗ sồi	Cái	8	74,0	Đồng Nai
Đức	Bàn ăn ( 180*90*76) cm gỗ trầm	Cái	21	252,0	Cái Mép
	Tủ sách( 150*35*190) cm gỗ trầm	Cái	30	180,7	Cái Mép
	Kệ sách ( 60*35*190) cm gỗ trầm	Cái	78	99,8	Cái Mép
	Ghế gỗ thông,965x465x500mm, nhãn hiệu HOME24 BYN118-D	Cái	20	72,1	Cái Mép
	Giường 2 tầng gỗ thông,màu tự nhiên.Size: 2471*2070*2132mm.Gồm:ván trượt, cầu thang, đầu giường, vạt giường. Item:WF301669NAA/670NAA/671NAA/672NAA.	Bộ	80	187,0	Cont Spitic
Ả Rập Xê út	Bàn gỗ sồi, ván mdf 2440x1020x770mm	Cái	10	292,5	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi, ván mdf 1670x508x840mm	Cái	30	254,5	Cát Lái
Ai Len	Bàn ăn gỗ sồi- (2700 x 1100 x 790)mm- Mã sản phẩm: COL-LFTDT008	Cái	5	321,8	Cái Mép
	Tủ buffet gỗ sồi - (1000 x 450 x 1900)mm- DWO-SB/H047	Cái	4	310,9	Cái Mép
	Giường gỗ sồi (1390 x 1920 x 1250)mm(750)-DWO-DB015	Cái	5	267,0	Cái Mép
	Ghế băng gỗ sồi (1400 x 350 x 500)mm - DWO-B063(RH-B063)	Cái	10	121,0	Cái Mép
Anh	Bàn, nhãn hiệu logo chữ K, quy cách(2500/3000x1000x780)mm, đồ gỗ sử dụng trong Phòng bếp gỗ thông, gỗ sồi, MDF	Cái	15	485,5	Cát Lái
	Tủ, nhãn hiệu logo chữ K, quy cách(1500x570x2000)mm, đồ gỗ sử dụng trong Phòng ngủ gỗ sồi và ván MDF	Cái	2	440,2	Cát Lái
	Ghế 1640x645x990mm, sản phẩm Gỗ Sồi (OAK), veneer	Cái	20	352,0	Cát Lái
	Giường gỗ sồi,thông JLD-QB05H/V3P -QCSP:2140 x 1650 x 1050 mm	Cái	10	570,0	Cái Mép
Australia	Giường gỗ sồi (184/204/71)cm	Cái	6	908,9	Cát Lái
	Giường ván ép, gỗ thông , gỗ sồi bọc vải UP-16-1-OP509 265*215*66cm	Cái	5	450,0	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi (90/30/139)cm	Cái	6	306,3	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi (224/45/80)cm	Cái	2	802,2	Cont Spitic
	Ghế sofa Archive 220 - Fixed - Range L1 gỗ sồi (W2190xD840xH770)	Cái	2	640,0	Cont Spitic
Bahama	Giường gỗ dán, dương, sồi, dê gai, keo, ván lạng, MDF, vải (2115x1601x1180mm)	Cái	8	1.215,6	Cát Lái
	Tủ gỗ dê gai, sồi, dương, ván lạng, MDF, kính (1372x610x922mm)	Cái	5	1.034,0	Cát Lái
	Bàn gỗ dê gai, ván lạng, MDF (914x381x762mm)	Cái	10	351,1	Cát Lái
Bỉ	Tủ quần áo làm MDF, veneer gỗ óc chó, kích thước 229*51*84 cm 10098326BRWN CURV BRL 9 DRW DR BW BRWN RHH6000-0014	Cái	2	1.283,0	Cát Lái
	10117146LOAK. - Bàn (gỗ sồi, poplar) (3048x1168x762)mm	Cái	3	1.062,8	Cát Lái
	Kệ để trên sàn 10117277BKOK. - (gỗ poplar, beech) (1321x508x2310)mm	Cái	1	826,8	Cát Lái
	Giường đơn gỗ Teak quy cách ( 1965 x 910 x 223 mm	Cái	1	685,2	Cát Lái
Các TVQ ả	Ghế sofa gỗ sồi bọc da daybed 1733 83*209*80cm	Cái	8	464,5	Cát Lái
	Tủ (1630x490x795) mm, Gỗ sồi, mdf, veneer, dùng trong phòng khách.	Cái	5	622,0	Cont Spitic

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Rập thống nhất	Bàn (1625x800x880) mm, Gỗ sồi, mdf, veneer, dùng trong phòng khách.	Cái	5	535,0	Cont Spitic
	Kệ (1235x420x2115) mm, Gỗ sồi, mdf, veneer, dùng trong phòng khách.	Cái	5	388,0	Cont Spitic
Côxta Rica	Bàn trang điểm, 1661*457*1012mm(gỗ cây dương, ván MDF, ván PB, ván ép plywood, gỗ thông), ItemB697-31, dùng trong phòng ngủ	Cái	4	164,1	Cát Lái
	Tủ đầu giường, hiệu ASHLEY, size 731*457*759mm (ván MDF, ván PB, ván ép plywood, gỗ cây dương, gỗ thông), Item B697-92	Cái	56	70,0	Cát Lái
Canada	Bàn MDF dán veneer gỗ óc chó, gỗ trầm-Plumas Walnut Dining Table for 10, Extendable-2850 x 1066 x 766 mm-ART1054	Cái	46	347,2	Đồng Nai
	Kệ gỗ thông-Wood Bookcase SU-1024 x 499 x 2032 mm-OH8341-20	Cái	15	238,2	Đồng Nai
	Ghế đã nhồi nệm(SKU15389-R) gỗ cao su xẻ, gỗ dương xẻ, ván ép(2361*895*769mm)	Cái	6	333,6	Cái Mép
	Tủ 9 hộc kéo dùng cho phòng ngủ 9132-78-9 (ART0315) (1796 x 490 x 921)mm gỗ Oak, ván MDF)	Cái	26	519,0	Gemalink
	Giường 4008-53-6 (INT1511/INT1512/INT1510/INT1513) (2872*2192*965)mm (gỗ beech, ván MDF, ván lạng gỗ Birch)	Cái	16	475,0	Gemalink
Chilê	Giường, Item: LN-1996(1040*1954*282)mm, gỗ linh sam, ván PW, ván MDF, vạt giường NK từ TQ	Cái	11	73,0	Cái Mép
	Tủ KBC1272WTQZ gỗ thông và ván ép, 1830X585X902mm.	Cái	4	543,9	Cái Mép
	Bàn 1670-TBL sử dụng trong nhà bếp gỗ thông, ván MDF QC: 54*54*30"H.	Cái	122	88,3	Gemalink
Ấn Độ	Bàn D647-25 (1829 x 1016 x 780)mm, đã sơn (gỗ cao su xẻ, ván MDF, ván ép)	Cái	9	127,4	Cát Lái
	Ghế sofa 3 chỗ, bọc da bò, vải và PVC, ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động (85*40*40)"	Cái	10	410,1	Cont Spitic
Hà Lan	GHẾ SOFA COLOMBIA 2S Ván ép Bọc Vải, CHÂN GỖ CAO SU, 19928-1406, KÍCH THƯỚC: 144 X 100 X 83CM	Cái	6	248,0	Cái Mép
	Tủ Cessina 3 ngăn (1050x460x772)mm (gỗ sồi)	Cái	20	250,9	Cái Mép
	Bàn STORM 180 được làm MDF và gỗ Walnut 1800*900*750 mm	Cái	52	144,4	Terminal Link
Hàn Quốc	Giường 3, Qui cách: 2150*1204*H1600mm gỗ cao su	Bộ	50	364,0	Cát Lái
	Bàn MXF-01A-2 (1600x700x1140)mm, ván MDF, gỗ trầm, giấy phủ	Cái	2	480,0	Cát Lái
	Ghế đã nhồi nệm(KS-1412-2.5S-WR-KAICRM-CA) gỗ dương xẻ, ván ép(2020*904*784mm)	Cái	7	310,0	Cát Lái
	Tủ DT-1770 ST (1770x688x535)mm, ván MDF, gỗ thông, gỗ cao su, giấy phủ	Cái	5	270,0	Cát Lái
Ixraen	Kệ sách Rony gỗ thông kết hợp MDF - sử dụng cho phòng ngủ- 46 - 1/2, KT(1200*1525*400)mm	Bộ	25	157,5	Cát Lái
	Giường gỗ thông kết hợp MDF có hoa 190*120 - sử dụng cho phòng ngủ-46, KT (2010*964*1071)mm	Bộ	20	130,6	Cát Lái
	Bàn gỗ Thông kết hợp MDF 3 hộc 160cm - sử dụng cho phòng ngủ- 46, KT (1600*612*775)mm	Bộ	45	102,0	Cát Lái
Kô-eot	Tủ bếp phục vụ phòng ăn mã 775D-3 gỗ bạch dương, gỗ thông, ván MDF qui cách 189x54x96cm	Cái	7	202,6	Cont Spitic
	Bàn ăn mã 775D-1 gỗ bạch dương, ván PW, ván MDF, ván PB qui cách 249x119x21cm	Cái	9	182,4	Cont Spitic
Kenya	Tủ phục vụ 5477N-40 NEW, nhãn hiệu 5477N-40 NEW (1445*451*898)mm gỗ cao su	Cái	3	178,4	Cát Lái
	Bàn ăn 5546-84 (2032x1066.8x762)mm, nhãn hiệu 5546-84 gỗ cao su	Cái	15	147,0	Cát Lái
Malaysia	GIƯỜNG TIERRA KING 1830*1900MM-ván ép, gỗ sồi xẻ nhập khẩu. Đồ nội thất, dùng trong nhà	Cái	1	605,0	Cát Lái
	Tủ LINATE 1.8M-1800*450*900MM- ván MDF, gỗ cao su	Cái	2	461,0	Cát Lái
	Bàn CREME 1600(2000)*W900*H750MM - gỗ cao su	Cái	2	369,5	Cát Lái
Mexico	Ghế sofa khung gỗ thông nhập khẩu, ván ép, nệm, chân, bọc vải, quy	Cái	38	223,9	Cát Lái

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	cách 97x40.5x39 (inch)				
	Bàn trang điểm VTM104-F975 (1295x521x1600)mm, đã sơn (gỗ thông, gỗ dương,ván ép,ván MDF)	Bộ	92	230,2	Gemalink
	Tủ tivi, hiệu COOL GLOW, kt 1893*442*761mm(gỗ cao su,ván MDF,gỗ cây dương,ván PB;gắn 1 lò sưởi 42IF442FGL-B000(NKNQ)),Item 42MM812-QM374,dùng trong pkhách	Cái	68	230,1	Gemalink
Mỹ	Bàn ăn MDF, gỗ sồi, veneer gỗ sồi, kích thước 366*117*76 cm, BAA3036Z HUXLEY DINING TABLE BKH5400-0092.WWW	Cái	1	3.363,0	Cái Mép
	Ghế VPA-FB-207 Custom Banquette(655x64x91)cm, sp gỗ Oak	Cái	1	2.900,0	Cái Mép
	Tủ áo gỗ tần bì, gỗ dương, gỗ cao su, gỗ trầm, ván MDF, ván ép (3251*610*2559) mm	Cái	6	3.281,5	Cát Lái
	Kệ tivi kèm bàn Gỗ đoạn, gỗ vân sam, gỗ dán, KT:4420x559x2439 mm	Bộ	6	2.160,0	Lạch Huyện
	Giường gỗ dán, dương, sồi, MDF, da (2159*1524*2260mm)	Cái	1	2.972,1	Long Bình
Nam Phi	Giường P-9805-KE (2140*1400*320)mm, gỗ thông	Bộ	12	449,9	Cát Lái
	Tủ trang điểm P-9801-DR (1755*590*1000)mm, gỗ thông	Cái	11	315,7	Cát Lái
	Bàn -A21M-160SQ / QC: (1600x1600x780)mm gỗ trầm v	Cái	16	170,0	Cát Lái
New Zealand	Giường Queen với ngăn kéo gỗ thông nhập khẩu,kích thước ( 2130 x 1596 x 1350 mm )	Cái	20	180,0	Cát Lái
	Kệ sách LV90L41 gỗ thông nhập khẩu, kích thước ( 550 x 420 x 550 mm )	Cái	10	101,1	Cát Lái
	Bàn gỗ thông,sồi FRP-BA16/A QCSP : (1600 x 900 x 750) mm	Cái	15	193,4	Vict
	Tủ gỗ sồi,thông FRD-BF02/MT - QCSP : (1496 x 450 x 746)mm	Cái	20	176,9	Vict
	Rương gỗ thông,sồi FRM-BLB/V3P - QCSP : (804 x 402 x 400)mm	Cái	15	85,0	Vict
Nhật Bản	Tủ thờ 492 x 426 x 310 mm gỗ trầm, thông, lồng mức	Bộ	5	355,0	Cát Lái
	Giường 2 tầng có cầu thang hộc kéo đi kèm LN-1935 (2570*1040*1600)mm ,gỗ cao su, ván PW	Bộ	15	287,0	Cát Lái
	Ghế sofa LS74102A gỗ thông có nệm bọc da bò. Kích thước: 2000*900*800/600mm	Cái	1	869,8	Cát Lái
	Bàn DT80105Q 160 gỗ sồi. Kích thước: 1600*850*715	Cái	5	646,9	Cát Lái
Pháp	Ghế bọc da có khung gỗ cao su CL17V01-ALU (840x720x710)mm.	Cái	20	361,5	Cái Mép
	Tủ NAB2 - gỗ thông, kích thước (348x45x245)cm	Cái	1	1.393,2	Gemalink
	Kệ sách 6475 - gỗ thông, kích thước (250x90x239)cm	Cái	2	904,2	Gemalink
	Giường A326 - gỗ tần bì, gỗ thông, MDF & ván ép, (188.5x215.5x100)cm	Cái	3	584,8	Gemalink
	Bàn MLT1 - Được sản xuất từ gỗ thông, ván MDF, (297x95x77)cm	Cái	5	516,9	Gemalink
Puerto Rico	Ghế sofa gỗ thông bọc vải 3-seater chaise 2462 156*308*71cm	Bộ	8	302,1	Cát Lái
	Tủ Cao 920-11G , phòng ngủ, gỗ thông, trầm, caosu, ván ép, kích thước 32.75"x23.25"x60.5" inch	Cái	19	220,0	Cát Lái
	Bàn D950-25 gỗ cao su, gỗ bạch dương , ván MDF (1930*965*762) mm	Cái	80	157,6	Cát Lái
	Giường đơn gỗ cao su thuộc nhóm 7,ván MDF và ván ép.Size:(1602x2152x1395/406)mm.Item:52379Q-HF,52379Q-RS.	Bộ	11	157,2	QT SP-SSA(SSIT)
Qata	Bàn gỗ sồi, ván mdf 2440x1020x770mm	Cái	10	292,5	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi, ván mdf 1670x508x840mm	Cái	20	254,5	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi, ván mdf 710x520x790mm	Cái	20	99,5	Cát Lái
Singapore	Ghế sofa gỗ thông bọc da 1-seater 1420 83*82*83cm	Cái	2	320,4	Cát Lái
	Tủ bếp Gỗ vân sam, gỗ sồi, gỗ dán, KT:4955x1073x2400 mm	Bộ	1	2.805,0	Xanh Vip
Tây Ban Nha	Kệ SÁCH DAVENPORT 900 Gỗ Sồi, Màu Gỗ Tự NHIÊN, KÍCH THƯỚC: 90 X 40 X 193.5CM	Cái	20	218,0	Cont Spitc
	Bàn Cà PHÊ DAVENPORT Gỗ Sồi, Màu Gỗ Tự NHIÊN, KÍCH THƯỚC: 140 X 65 X 42CM	Cái	15	167,0	Cont Spitc
	Tủ Ti vi - BREDA STAND TV 2DRWS 2DRS 1856(W) x 400(D) x	Cái	20	132,5	QT SP-

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	500(H), đồ gỗ nội thất gỗ Birch, MDF				SSA(SSIT)
	Ghế TRUE Stoll gỗ Sồi ( OAK) quy cách 370*460*650 mm.	Cái	40	75,0	KV. TPHCM
Thái Lan	Ghế sofa Sloopy 203 small - Loose - Range S-F2 gỗ thông (W2030xD970xH925)	Cái	2	360,0	Cát Lái
	Tủ quần áo size (865*600*2400) làm gỗ cao su	Cái	10	224,0	Cát Lái
	Kệ Tosta leaning gỗ sồi (W680xD435xH1920)/	Cái	5	131,0	Cát Lái
Trinidad & Tobago	Kệ sách gỗ trầm, nhãn hiệu DWE-BC (1200x450x1800)mm	Cái	10	240,0	Cát Lái
	Tủ trang điểm gỗ trầm, nhãn hiệu DWE-DS (1550x450x800)mm	Cái	10	238,0	Cát Lái
	Giường gỗ trầm, nhãn hiệu DWE-KB (2160x2150x1250)mm	Cái	16	227,0	Cát Lái
	Bàn làm việc làm gỗ trầm, nhãn hiệu DWE-DE (1200x550x760)mm	Cái	12	130,0	Cát Lái
Trung Quốc	Tủ 500488-NCJ - (gỗ alder, sồi, poplar, beech) (1270x610x2032)mm	Cái	1	2.052,0	Cát Lái
	Ghế có chân sắt, mặt ghế gỗ sồi, bọc da, 2000x800x620 mm, mã: CHL0005-07-523-08	Cái	10	1.287,5	Cát Lái
	Giường có chân sắt, thanh giường gỗ sồi 2250x2125x1100 mm, mã: BED0109-73-288-08	Cái	10	974,2	Cát Lái
	Bàn có chân sắt, mặt bàn gỗ sồi, 2400x950x750 mm, mã: TAD0396-06-003-08	Cái	5	843,3	Cát Lái
Xri Lanca	Ghế (650 *450 *600)mm ván ép, gỗ dẻ gaibọc nệm, hiệu AATN	Cái	1	1.607,5	Cái Mép
	Bàn ăn (900 *900 *780)mm ván ép, gỗ dẻ gai, chân inox, mặt đá nhân tạo, hiệu AATN, dùng trong phòng bếp	Cái	1	984,2	Cái Mép

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

## **EU và Mỹ là hai thị trường cung cấp gỗ nguyên liệu lớn nhất vào Việt Nam**

### **Thị trường trong nước**

Sản xuất lâm nghiệp gặp bất lợi do thời tiết nắng nóng kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ trồng rừng mới ở nhiều địa phương. Tính chung 7 tháng năm 2023, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 138,5 nghìn ha, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 52,1 triệu cây, tăng 4,9%; sản lượng gỗ khai thác đạt 10,5 triệu m<sup>3</sup>, tăng 2,8%; diện tích rừng bị thiệt hại là 1.348,8 ha, tăng 92,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị chặt, phá là 715,5 ha, tăng 9,3%; diện tích rừng bị cháy là 633,3 ha, gấp 14 lần.

### **Tình hình nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ 8 tháng đầu năm 2023**

Theo số liệu thống kê sơ bộ, nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tháng 8/2023 ước đạt 195 triệu USD, tăng 2,4% so với tháng 7/2023; tuy nhiên so với tháng 8/2022 giảm 31,9%.

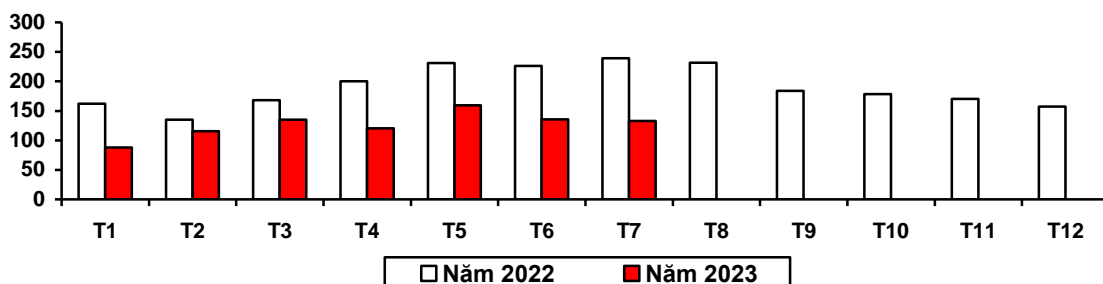
Tính chung, 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này ước đạt 1,426 tỷ USD, giảm 33,7% so với cùng kỳ năm 2022.

### **Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu 8 tháng đầu năm 2023**

Theo số liệu thống kê của sơ bộ, nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam tháng 8/2023 đạt 412,4 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 136,1 triệu USD, tăng 2,9% về lượng và tăng 2,4% về trị giá so với tháng 7/2023; tuy nhiên so với tháng 8/2022 lại giảm 30,3% về lượng và giảm 41,2% về trị giá.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 2,936 triệu m<sup>3</sup>, trị giá 1,020 tỷ USD, giảm 27,8% về lượng và giảm 35,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

**Trị giá nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam qua các tháng năm 2022 – 2023**  
(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu tháng 7/2023 đạt 400,9 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 132,9 triệu USD, giảm 2,5% về lượng và giảm 2,2% về trị giá so với tháng 6/2023; so với tháng 7/2022 giảm 32,7% về lượng và giảm 41,2% về trị giá. Tính chung 7 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này đạt 2,534 triệu m<sup>3</sup>, trị giá 887,0 triệu USD, giảm 27,1% về lượng và giảm 34,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

**+ Về thị trường nhập khẩu:**

7 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường lớn như: EU, Mỹ, Trung Quốc, Camêrun, Lào, Chilê, Braxin, New Zealand... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường khác lại tăng như: Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Nambia, Equatorial Guinea... Cụ thể;

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường EU chiếm 17,5% tổng lượng nhập khẩu, đạt 443,0 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 135,6 triệu USD, giảm 6,1% về lượng và giảm 13,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Mỹ giảm 17,0% về lượng và giảm 26,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 306,9 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 131,6 triệu USD, chiếm 12,1% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Trung Quốc giảm 36,7% về lượng và giảm 45,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 285,6 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 137,9 triệu USD, chiếm 11,3% tổng lượng nhập khẩu.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường khác giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: từ Camêrun giảm 13,1%; Lào giảm 20,5%; Chilê giảm 25,1%; Braxin giảm 47,6%; New Zealand giảm 27,8%; Nga giảm 34,2%...

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường khác trong 7 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ 2022 như; từ Thái Lan tăng 1,9%; Malaysia tăng 14,5%; Indonesia tăng 64,7%; Nambia tăng 36,6%...

**Thị trường nhập khẩu gỗ nguyên liệu 7 tháng đầu năm 2023**

Chủng loại	7 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>2.533.721</b>	<b>887.044</b>	<b>350,1</b>	<b>-27,1</b>	<b>-34,2</b>	<b>-9,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
<b>EU</b>	<b>443.013</b>	<b>135.599</b>	<b>306,1</b>	<b>-6,1</b>	<b>-13,8</b>	<b>-8,2</b>	<b>17,5</b>	<b>13,6</b>
<i>Bỉ</i>	160.222	41.515	259,1	9,7	14,1	4,0	6,3	4,2
<i>Pháp</i>	95.690	30.413	317,8	39,0	40,7	1,3	3,8	2,0



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Chủng loại	7 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
Đức	51.900	14.738	284,0	-21,5	-33,8	-15,6	2,0	1,9
Hà Lan	33.440	9.703	290,2	8,5	1,4	-6,5	1,3	0,9
Phần Lan	19.605	5.562	283,7	-38,2	-54,0	-25,5	0,8	0,9
Thụy Điển	19.113	4.397	230,0	57,2	13,8	-27,6	0,8	0,3
Croatia	15.761	9.527	604,5	-32,0	-33,4	-2,1	0,6	0,7
Slovenia	13.011	5.834	448,4	-37,3	-48,3	-17,6	0,5	0,6
Đan Mạch	7.288	2.263	310,6	16,3	16,4	0,1	0,3	0,2
Rumani	5.281	3.136	593,8	-2,4	5,8	8,4	0,2	0,2
Ba Lan	5.231	1.999	382,1	-30,4	-13,4	24,5	0,2	0,2
Estonia	4.387	1.361	310,2	-36,5	-45,8	-14,6	0,2	0,2
Italia	3.833	1.660	433,1	-63,0	-61,6	3,7	0,2	0,3
Látvia	3.662	1.544	421,6	-85,5	-80,3	35,9	0,1	0,7
Áo	1.038	393	378,6	4,9	-8,3	-12,6	0,0	0,0
Ai Len	903	501	555,0	-78,2	-74,5	16,9	0,0	0,1
...								
Mỹ	306.903	131.642	428,9	-17,0	-26,7	-11,7	12,1	10,6
Trung Quốc	285.576	137.929	483,0	-36,7	-45,8	-14,5	11,3	13,0
Thái Lan	275.860	53.366	193,5	1,9	-20,3	-21,8	10,9	7,8
Camêrun	271.516	119.034	438,4	-13,1	-9,7	3,9	10,7	9,0
Lào	131.065	62.199	c	-20,5	-27,5	-8,8	5,2	4,7
Chilê	111.411	26.992	242,3	-25,1	-46,5	-28,6	4,4	4,3
Braxin	107.239	26.837	250,3	-47,6	-59,7	-23,1	4,2	5,9
New Zealand	64.789	22.921	353,8	-27,8	-32,0	-5,8	2,6	2,6
Nga	52.187	21.158	405,4	-34,2	-45,7	-17,4	2,1	2,3
PN. Guinea	47.222	10.250	217,1	-70,6	-70,4	0,8	1,9	4,6
Cônggô	45.967	22.729	494,5	-46,0	-37,5	15,6	1,8	2,4
Malaysia	45.509	12.761	280,4	14,5	-10,4	-21,7	1,8	1,1
Uruguay	36.821	7.893	214,4	-58,0	-66,4	-20,0	1,5	2,5
Ăngôla	35.689	9.416	263,8	-2,9	1,2	4,2	1,4	1,1
Suriname	31.225	9.700	310,7	-38,7	-40,0	-2,1	1,2	1,5
Nam Phi	25.959	6.725	259,1	-38,6	-35,7	4,8	1,0	1,2
Nigiêria	23.629	6.124	259,2	-77,9	-81,2	-15,2	0,9	3,1
Gabông	20.694	7.891	381,3	-15,5	-5,2	12,2	0,8	0,7
Hồng Kông	19.071	6.704	351,5	-12,2	-5,4	7,8	0,8	0,6
Australia	17.872	4.517	252,8	-43,0	-33,3	17,1	0,7	0,9
Indonesia	16.942	5.850	345,3	64,7	17,1	-28,9	0,7	0,3
Canada	14.420	6.660	461,9	-1,9	-28,4	-27,1	0,6	0,4
Gana	8.951	2.387	266,6	-53,1	-61,9	-18,7	0,4	0,5
Nambia	8.930	2.674	299,5	36,6	56,0	14,1	0,4	0,2
E. Guinea	7.860	2.290	291,3	15,1	30,4	13,3	0,3	0,2
Campuchia	7.327	2.004	273,5	-62,1	-62,3	-0,6	0,3	0,6
Achentina	7.053	1.632	231,4	-84,5	-88,3	-24,8	0,3	1,3
Nhật Bản	6.059	2.598	428,8	-21,1	-13,6	9,6	0,2	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

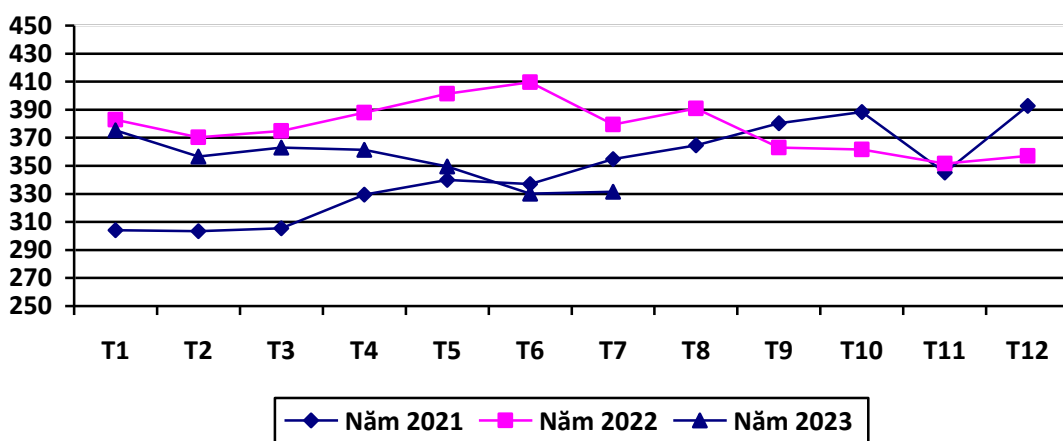
**+ Về giá nhập khẩu:**

7 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu bình quân các loại gỗ nguyên liệu của Việt Nam đạt 350,1 USD/m<sup>3</sup>, giảm 9,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó, giá nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2022, xuống còn 306,1 USD/m<sup>3</sup>; Mỹ giảm 11,7%, xuống 428,9 USD/m<sup>3</sup>; Trung Quốc giảm 14,5%, xuống còn 483,0 USD/m<sup>3</sup>; Lào giảm 8,8%, xuống 483,0 USD/m<sup>3</sup>...

**Giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu trung bình của Việt Nam năm 2021 - 2023**

(ĐVT: USD/m<sup>3</sup>)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Tham khảo nhóm gỗ nguyên liệu nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2023**

Chủng loại	7 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ xẻ	1.096.587	433.741	395,5	-27,8	-36,1	-11,5
Gỗ tròn	890.265	275.853	309,9	-30,9	-28,3	3,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**+ Về chủng loại nhập khẩu:**

7 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu các chủng loại gỗ lớn như: gỗ thông, lim, dương, gỗ, hương, bạch đàn... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại tăng như: gỗ tần bì, sồi, cao su, linh sam, hồ đào, dổi, pơmu... Cụ thể;

Nhập khẩu gỗ thông lớn nhất chiếm 14,0% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2023, đạt 353,9 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 77,6 triệu USD, giảm 42,4% về lượng và giảm 55,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ lim giảm 15,0% về lượng và giảm 13,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 246,1 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 103,2 triệu USD, chiếm 9,7% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ dương giảm 21,4% về lượng và giảm 32,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 175,6 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 75,0 triệu USD.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu một số chủng loại gỗ giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: gỗ gõ giảm 56,1%; hương giảm 9,4%; bạch đàn giảm 61,6%; teak giảm 47,8%; sến giảm 18,7%; xoan giảm 46,5%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ tần bì trong 7 tháng đầu năm 2023 tăng 22,9% về lượng và

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

tăng 27,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 310,2 nghìn m<sup>3</sup>, trị giá 80,4 triệu USD, chiếm 12,2% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Bên cạnh đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại gỗ tăng so với cùng kỳ năm 2022 như: gỗ sồi tăng 1,2%; cao su tăng 17,7%; linh sam tăng 117,7%; hồ đào tăng 70,5%; dổi tăng 56,4%; pơmu tăng 116,1%...

**Chủng loại gỗ nguyên liệu nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2023**

Chủng loại	7 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m <sup>3</sup> )	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Lượng	Trị giá	Đơn giá	7 tháng năm 2023	7 tháng năm 2022
<b>Tổng</b>	<b>2.533.721</b>	<b>887.044</b>	<b>350,1</b>	<b>-27,1</b>	<b>-34,2</b>	<b>-9,8</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Thông	353.882	77.567	219,2	-42,4	-55,5	-22,7	14,0	17,7
Tần bì	310.162	80.390	259,2	22,9	27,2	3,5	12,2	7,3
Lim	246.069	103.175	419,3	-15,0	-13,1	2,2	9,7	8,3
Dương	175.586	74.960	426,9	-21,4	-32,8	-14,6	6,9	6,4
Sồi	163.519	89.900	549,8	1,2	-16,1	-17,1	6,5	4,6
Gỗ	82.400	36.995	449,0	-56,1	-49,5	15,1	3,3	5,4
Hương	78.786	29.424	373,5	-9,4	-21,7	-13,6	3,1	2,5
Cao su	59.196	15.901	268,6	17,7	3,3	-12,3	2,3	1,4
Bạch đàn	54.161	12.577	232,2	-61,6	-63,8	-5,9	2,1	4,1
Teak	26.948	11.950	443,4	-47,8	-44,6	6,1	1,1	1,5
Sến	25.700	9.130	355,2	-18,7	-17,1	2,0	1,0	0,9
Xoan	21.648	8.152	376,6	-46,5	-41,6	9,2	0,9	1,2
Ốc chó	20.165	21.403	1.061,4	-19,9	-38,5	-23,1	0,8	0,7
Dẻ gai	19.792	8.950	452,2	-60,0	-57,2	6,9	0,8	1,4
Bằng lăng	19.398	5.576	287,5	-19,8	-19,6	0,3	0,8	0,7
Linh sam	19.369	6.483	334,7	117,7	105,1	-5,8	0,8	0,3
Vân sam	16.808	4.484	266,8	-48,0	-62,4	-27,6	0,7	0,9
Cắm xe	14.056	7.431	528,7	-42,8	-47,2	-7,8	0,6	0,7
Hồ đào	12.625	5.694	451,0	70,5	81,4	6,4	0,5	0,2
Dổi	11.418	5.279	462,3	56,4	56,3	0,0	0,5	0,2
Trần	9.934	3.226	324,7	5,0	-31,7	-35,0	0,4	0,3
Sao	8.788	3.821	434,8	-0,8	-17,3	-16,7	0,3	0,3
Mít	8.405	2.440	290,2	-17,3	-26,5	-11,1	0,3	0,3
Gụ	8.270	4.653	562,6	-53,3	-53,4	-0,2	0,3	0,5
Pơmu	7.275	4.262	585,8	116,1	113,7	-1,1	0,3	0,1
Thích	6.308	3.666	581,2	-20,1	-39,3	-24,1	0,2	0,2
Keo	6.113	711	116,3	1.116,7	321,8	-65,3	0,2	0,0
Dâu	5.739	1.661	289,4				0,2	0,0
Chiêu liêu	4.520	2.120	468,9	175,5	245,4	25,3	0,2	0,0
Bách	4.115	1.261	306,5	993,5	909,8	-7,7	0,2	0,0
Cắm	4.074	1.636	401,6	68,7	68,6	0,0	0,2	0,1
Dầu	3.371	1.621	481,0	397,9	343,0	-11,0	0,1	0,0
Muồng	2.782	1.312	471,8	90,1	102,5	6,5	0,1	0,0
Điều	2.780	695	250,0	-58,8	-56,4	5,8	0,1	0,2
Phong	2.504	1.320	527,1	-74,9	-83,3	-33,2	0,1	0,3
Tuyết tùng	1.797	610	339,6	4,7	-31,3	-34,4	0,1	0,0
Kiên Kiên	1.776	705	397,3	-51,7	-51,8	-0,2	0,1	0,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

**Dự báo:**

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm nay giảm mạnh 25,9% so với cùng kỳ năm 2022, ước đạt 8,29 tỷ USD. Nguyên nhân là do kinh tế thế giới suy thoái, nhu cầu từ các thị trường thu hẹp, chi phí nguyên liệu tăng cao, một số nước tiếp tục chính sách bảo hộ để bảo vệ ngành sản xuất trong nước và tần suất ngành gỗ đối diện với các vụ việc phòng vệ thương mại ngày càng nhiều.

Bên cạnh đó, trong nước, nguồn cung gỗ nguyên liệu hiện vẫn chưa đủ và doanh nghiệp vẫn phải nhập khẩu một số loại trong nước không có. Do đó, quy trình chứng minh nguồn gốc gỗ hợp pháp để tận dụng các Hiệp định Thương mại tự do cũng gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, đến cuối quý II và đầu quý III/2023, đơn hàng xuất khẩu gỗ nội thất bắt đầu trở lại với tín hiệu phục hồi kinh tế ở các thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam, trong đó có thị trường Mỹ. Theo số liệu của Bộ Thương mại Mỹ, tăng trưởng GDP (số liệu điều chỉnh lần thứ 3) là 2% trong quý I/2023, tăng từ mức 1,3% công bố đợt tháng 5 và cao hơn 0,3% so với dự báo trước đó. Dữ liệu mới đã góp phần khiến bức tranh kinh tế của Mỹ giai đoạn đầu năm trở nên khả quan hơn. Dự báo khả năng mặt hàng này xuất khẩu vào thị trường Mỹ sẽ tăng trưởng trở lại.

Ngoài ra, thị trường bất động sản trong nước 6 tháng cuối năm 2023 được dự báo phục hồi. Chính phủ đưa ra các quyết sách liên tiếp trong một thời gian ngắn nhằm tháo gỡ, thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển an toàn, lành mạnh, bền vững. Điều này cũng thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ gỗ và sản phẩm gỗ.

Để tận dụng thời cơ này, các doanh nghiệp cần tuân thủ các quy định tại các thị trường nhập khẩu; chủ động phát triển các dòng sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm phù hợp thị hiếu người tiêu dùng tại các thị trường tiềm năng; tích cực triển khai một số giải pháp để mở rộng kết nối thị trường trong và ngoài nước nhằm thúc đẩy xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ...

Với những tín hiệu tích cực của ngành gỗ, dự báo nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong các tháng cuối năm 2023 sẽ phục hồi khi nhu cầu từ các nhà máy chế biến tăng lên.

**+ Doanh nghiệp nhập khẩu:****Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt kim ngạch cao 7 tháng đầu năm 2023**

Doanh nghiệp	Trị giá (nghìn USD)
CTY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẠI LỢI	47.041
CTY TNHH KEESON ( BÌNH DƯƠNG)	24.082
CTY TNHH TÂN VIỄN	18.757
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VN	15.235
CTY TNHH MTV GỖ KHANG ĐẠT (VN)	13.998
CTY TNHH NỘI THẤT SANYANG VN	12.523
CTY TNHH LONG HƯNG	11.771
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VN	11.373
CTY TNHH MOTOMOTION VN	10.842
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUA YANG	10.806
CTY TNHH YANGTZE RIVER WOODS	10.723
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	10.572
CTY TNHH HAPPY FURNITURE (VN)	10.492
CTY TNHH EIDAI VN	10.379
CTY TNHH TIẾN LỢI	10.004
CTY TNHH GREENWOOD	9.967

Doanh nghiệp	Trị giá (nghìn USD)
CTY TNHH XNK VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG KIM	9.732
CTY TNHH GỖ HUỲNH LÊ	9.117
CTY TNHH GỖ HÒA THIÊN	8.524
CTY TNHH JASON FURNITURE VN	8.383
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI Á	8.125
CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GỖ THIÊN LỢI	8.033
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP VIỆT PHÁT VN	7.960
CN CTY TNHH ĐẦU TƯ QUẢN LÝ TRIỆU VƯỢNG VN	7.585
CTY TNHH GỖ SEN TONG	7.474
CTY TNHH MTV GỖ SHENG HE (VN)	7.277
CTY TNHH GỖ ZHONG LONG VIỆT NAM	7.232
CTY TNHH VẬT LIỆU MỚI NHUẬN PHÁT	7.012
CTY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN THÀNH	6.683
CTY TNHH TRÍ THÀNH ĐỨC	6.361

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

## Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 15/8/2023 đến 23/8/2023

Trong tuần từ ngày 15/8/2023 đến 23/8/2023, Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường trên thế giới đạt 38,1 triệu USD, giảm 13,0% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Trung Quốc giảm 1,1%; Thái Lan giảm 30,3%; Chile giảm 48,3%; Pháp giảm 75,9%; Croatia giảm 20,7%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước như: từ Mỹ tăng 0,4%; Cameroon tăng 17,9%; Bỉ tăng 20,1%; Nga tăng 81,7%; Lào tăng 15,9%; Indonesia tăng 158,7%...

**Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 15/8/2023 đến 23/8/2023**

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ óc chó tròn -đk: 28cm up, dài 2.1m up .	9	694,6	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó xẻ dày 31.75 mm, dài từ 1.8 m	29	919,9	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ (320~2438 x 38-76 x19)mm	68	1.080,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Gỗ bạch dương xẻ, đk: 18-55cm, length:3.0m	135	277,6	Látvia	Cát Lái	CIF
Gỗ cao su xẻ 20mmx(55-80)mmx(900-1100)mm	370	265,0	Malaysia	Cát Lái	CIF
Gỗ cao su xẻ, size: 55*130*1300 mm	17	390,0	Thái Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ dâu xẻ dày(48-98)cm, rộng (52-100)cm, dài (150-420)cm	69	260,9	Ăngôla	Cát Lái	CIF
Gỗ dương tròn tươi (đk: phi 305-762; dài: 2438.4-5487)mm	99	244,5	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ 25.4 mm x 76-381mm x 1829-4877mm	43	525,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ dương xẻ, dài:7-16 feet, rộng:2-19 inch, dày:4/4	41	347,5	Mỹ	Vũng Tàu	C&F
Gỗ dẻ gai xẻ (38mm*240-273mm*2.5-3.1m)	28	467,5	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ 32(29.5mm), 2.45-3.35m	28	557,3	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ dày 32 mm, dài từ 2.1 m	30	562,6	Đan Mạch	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sấy dày: 26mm. dài 2.50 m - 3.50 m	67	478,4	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ gỗ dài từ 240cm, rộng từ 31cm, dày từ 28cm	18	296,7	Gana	Hải Phòng	FOB
Gỗ gỗ dài từ 2m, rộng 25cm, dày 26cm	81	330,0	Ăngôla	Hải Phòng	C&F
Gỗ gỗ dạng xẻ dày (17-95)cm, rộng (24-108)cm, dài (210-270)cm,	18	360,0	Hồng Kông	Cát Lái	FOB



**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Chủng loại	Lượng (m³)	Đơn giá (USD/m³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ giáng hương xẻ dày trên 6 mm, dày từ 10cm, rộng từ 14cm và dài 160cm	5	1.050,0	Lào	Quảng Trị	DAF
Gỗ gụ lau xẻ dọc dày trên 6mm	33	550,0	Lào	Hà Tĩnh	DAF
Gỗ hương đá xẻ dài từ 1.70 - 2.40m, rộng từ 0.20 - 0.48m, dày từ 0.13 - 0.18m	20	260,0	Hồng Kông	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ dài từ 1.70 - 2.40m, rộng từ 0.20 - 0.48m, dày từ 0.15 - 0.20m	20	260,0	Nambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ, dài 250-300 cm, rộng 12-14cm, cao 25-42cm	40	150,0	Nam Phi	Đình Vũ	CIF
Gỗ hương đá xẻ, dài từ 100cm, rộng từ 10cm, dày 10cm	20	315,0	Dambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương 24x27 cm - 52x50 cm, dài từ 249 - 617 cm	78	406,0	Pêru	Đình Vũ	FOB
Gỗ hương D(38-84) cm x L(160-210) cm	23	380,1	Thái Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ hồ đào xẻ sậy, (dài: 6-12 feet, rộng: 2-19 inch, dày: 15/16)	13	203,4	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ hoàng dương xẻ (Poplar) (26mm*164-183mm*2.2-4.9m)	39	255,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ lim dài 250cm, rộng từ 34cm, dày từ 36cm	20	300,0	Gana	Hải Phòng	C&F
Gỗ lim dài: 4.0-11.8m , đk: 56-113cm	314	385,9	Cônggô	Đình Vũ	CFR
Gỗ lim xanh dày: 35-76 cm, rộng: 34-77cm, dài : 400-630cm	16	250,0	Campuchia	Cảng Xanh	C&F
Gỗ lim xẻ, dài: 2-3.5m, rộng: 45-68cm, dày: 16-34cm	21	560,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim, dài từ : ( 2.1-2.8)m, rộng từ : ( 35-89)cm, dày từ: ( 35-89)cm	20	195,0	Nigêria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim, dài: 6.5-11.8m, đk: 67-135cm	305	451,2	Italia	Hải Phòng	FOB
Gỗ linh sam xẻ (22 x 100-150 x 3000-6000) mm	143	283,0	Hà Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ linh sam xẻ, sậy (22-63x100-150x3000-6000mm)	294	430,0	Phần Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ mít đã xẻ dài từ 870-3020mm, dày 40-440mm, rộng 100-820mm	22	202,0	Indonesia	Cảng Xanh	CIF
Gỗ pơ mu xẻ dày trên 6mm	14	600,0	Lào	Hà Tĩnh	DAF
Gỗ sồi đỏ xẻ sậy 50mm x 10cm up dài 2.0m	26	590,0	Đan Mạch	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ 31.75 x (76 - 305) x (1829 - 4877) mm	13	220,0	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ sồi xẻ sậy dày 26 mm, dài 1,220-4,880 mm	29	589,9	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy dày 26 mm, dài 1,500-4,880 mm	29	600,7	Rumani	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy dày: 22 mm dài 2,60 m - 3,10 m	57	660,2	Slovenia	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy dày: 26 mm dài 1.50 m - 6.00 m	56	597,9	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy dày: 27 mm dài 2,20 m - 3,00 m	56	869,9	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ- Thickness:22mm, dài 2- 5m, dày 22 mm, rộng 100 mm	22	625,2	Hà Lan	Vũng Tàu	CIF
Gỗ sồi xẻ, dày: 22x100/600x 2000/4000 (mm)	72	600,2	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ sến đk từ 103 - 175 cm, dài từ 6.4 - 8.9 m	74	446,9	Camêrun	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn đk (30-89)cm; dài (310-1160)cm	138	250,0	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì đk: 28-75cm, dài: 4.7-11.6 m	221	220,0	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì đk: 28-76cm, dài: 3.1-11.6 m	181	220,0	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk gỗ từ (30-68cm, dài (3-10.7) m	106	200,0	Anh	Cát Lái	CFR
Gỗ tần bì tròn đk: (28-81)cm, dài (4.1-11.6)m	84	200,0	Đan Mạch	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk:(30-70)cm, dài:(3.2-11.6)m	140	200,0	Hồng Kông	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì xẻ dày: 32mm, dài: 200-400cm	27	541,0	Croatia	Cát Lái	CFR
Gỗ tần bì xẻ sậy dài: (700-3000)mm, dày(30-53)mm	22	413,1	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ thông đỏ xẻ dày: 25/32 mm; rộng: 125/200 mm; dài: 2100mm-6000mm	114	225,0	Estonia	Cát Lái	CPT
Gỗ thông trắng xẻ dày: 22mm; rộng: 125/150 mm; dài: 2100 - 6000 mm	86	225,0	Estonia	Cát Lái	CPT
Gỗ thông xẻ (28mm x 95 -150mm x 2130 - 3050mm)	48	215,0	Braxin	Vũng Tàu	CIF
Gỗ thông xẻ 2000x90-140x18-34mm	64	268,0	Hồng Kông	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 22mm x 95-145mm x 2440-3200mm	136	255,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy (22 x 200 x 3900 => 6000) mm	75	250,0	New Zealand	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy 11mm x 100mm x 1830mm	43	170,0	Anh	Cát Lái	CIF

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Chủng loại	Lượng (m <sup>3</sup> )	Đơn giá (USD/m <sup>3</sup> )	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ thông xẻ sấy dày 75mm x rộng 75mm x dài 2400mm	51	210,0	Achentina	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ ( 22 X 175 X 3000 - 5400 )mm	92	290,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ, dày: 25mm, rộng 150mm, dài 4000mm	101	230,0	Uruguay	Đình Vũ	CIF
Gỗ thích xẻ (25.4*80-300*1400-3600)mm	34	760,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ thích xẻ sấy dày: 32mm. dài 1.80 m - 4,00 m	32	690,5	Rumani	Cát Lái	CIF
Gỗ tròn bạch đàn đk: từ 29cm, dài: 3.8m - 5.8m	126	150,0	Nam Phi	Quy Nhơn	CIF
Gỗ vân sam xẻ sấy dày 32mm, rộng 150mm, dài 3.0-4.8m	43	240,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ vân sam xẻ, đk: 26- 64cm, length: 3.0-6.0m	34	278,1	Látvia	Cát Lái	CFR
Gỗ vân sam xẻ, dày 22-95 (mm), dài 2850-4000 (mm)	497	171,0	áo	Cát Lái	CFR
Gỗ xẻ giá ty (teak) dày 22mm, rộng 60/160mm, dài 1200/2600mm	72	595,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ xẻ sồi trắng ABC, dày 22mm, dài 2.5-4.1m, rộng 10-56cm	54	670,9	Bỉ	Cont Spitc	CIF
Gỗ xoan đào D=86cm, L=650cm	24	470,7	Cônggô	Cảng Xanh	CFR
Gỗ xoan đào dài: 6.4m , đk: 82cm	270	297,6	Camêrun	Hải Phòng	CFR
Gỗ xoan đào dài: 9-11m, đk: 87-128cm	27	374,8	Đảo British Virgin	Hải Phòng	FOB
Ván dăm (35*1220*2440)mm	199	138,0	Thái Lan	Cát Lái	CIF
Ván dăm PB -(14x1220x2440)mm	105	141,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván lạng gỗ sồi, (4.0 x 190 x 600-1900)mm	30	2.720,4	Trung Quốc	Cát Lái	C&F
Ván MDF - 2440mm*1220mm*12mm	77	172,0	Trung Quốc	Cát Lái	C&F

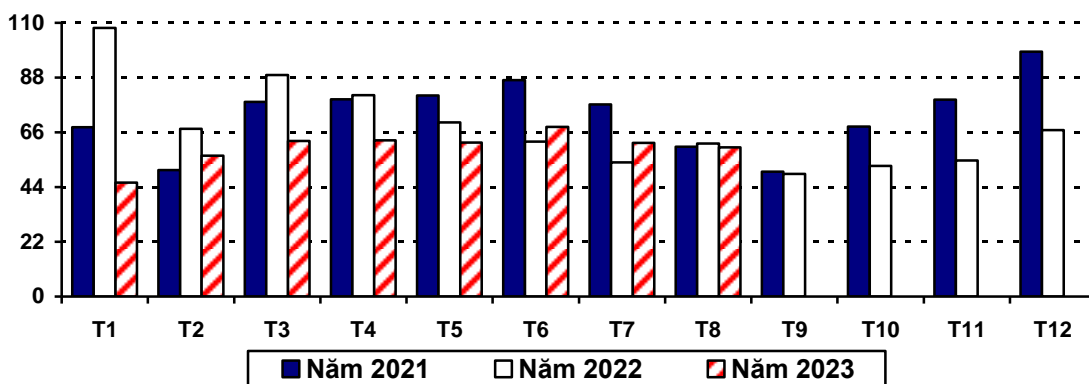
(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

## Tháng 8/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm giảm nhẹ

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 7/2023 đạt 61,76 triệu USD, giảm 9,4% so với tháng 6/2023, tăng 14,3% so với tháng 7/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm đạt 421,17 triệu USD, giảm 20,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Ước tính, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong tháng 8/2023 đạt 60 triệu USD, giảm 2,8% so với tháng 7/2023 và giảm 2,7% so với tháng 8/2022. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm đạt 481,17 triệu USD, giảm 19,0% so với cùng kỳ năm 2022.

### Kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói và thảm qua các tháng (đvt: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan và số liệu ước tính tháng 8/2023

### **Mặt hàng xuất khẩu chính**

- Xuất khẩu mặt hàng thảm của Việt Nam trong tháng 7/2023 đạt 34,71 triệu USD, giảm 15,7% so với tháng 6/2023, nhưng tăng 26,5% so với tháng 7/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thảm đạt 234,29 triệu USD, giảm 14,0% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 7/2023, xuất khẩu thảm sang các thị trường Mỹ, Nhật Bản, Anh, Hàn Quốc, Mexico... giảm so với tháng 6/2023; ngược lại, xuất khẩu sang thị trường EU tăng 5,0%. So với tháng 7/2022, xuất khẩu thảm sang các thị trường Mỹ, EU, Ấn Độ, Anh, Mexico tăng mạnh; ngược lại, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc giảm.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thảm sang các thị trường chủ chốt là Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Canada giảm so với cùng kỳ năm 2022; ngược lại, xuất khẩu thảm sang EU, Anh và đặc biệt là Mexico, Ixraen tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2022.

- Tháng 7/2023, xuất khẩu lục bình đan đạt 8,84 triệu USD, tăng 3,5% so với tháng 6/2023 và tăng 29,3% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu lục bình đan đạt 54,64 triệu USD, giảm 14,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 7/2023, xuất khẩu lục bình đan sang Mỹ và EU đều tăng so với tháng 6/2023 và tháng 7/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu lục bình đan sang Mỹ đạt 31,11 triệu USD, giảm 6,0% so với cùng kỳ năm 2022; EU đạt 13,08 triệu USD, giảm 12,7%.

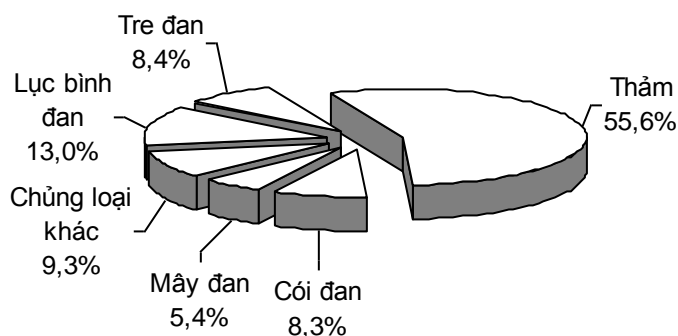
- Xuất khẩu tre đan của Việt Nam trong tháng 7/2023 đạt 5,0 triệu USD, tăng 1,5% so với tháng 6/2023, giảm 1,9% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu tre đan đạt 35,54 triệu USD, giảm 33,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 7/2023, xuất khẩu tre đan sang thị trường EU giảm mạnh so với tháng 6/2023 và tháng 7/2022. Ngược lại, xuất khẩu sang thị trường Mỹ tăng 46,7% so với tháng 6/2023 và tăng 18,2% so với tháng 7/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu tre đan sang Mỹ đạt 14,33 triệu USD, giảm 36,7% so với cùng kỳ năm 2022; EU đạt 11,01 triệu USD, giảm 43,5%.

- Tháng 7/2023, xuất khẩu cói đan đạt 5,14 triệu USD, giảm 5,9% so với tháng 6/2023 và giảm 9,5% so với tháng 7/2022; xuất khẩu mây đan đạt 3,40 triệu USD, giảm 6,6% so với tháng 6/2023, tăng 6,3% so với tháng 7/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cói đan đạt 34,85 triệu USD, giảm 35,4% so với cùng kỳ năm 2022; mây đan đạt 22,56 triệu USD, giảm 27,2%.

### **Cơ cấu mặt hàng mây, tre, cói và thảm xuất khẩu trong 7 tháng đầu năm 2023**

*(% tính theo kim ngạch)*



*Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan*

### **Thị trường xuất khẩu**

- *Thị trường EU:* Theo thống kê, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam sang thị trường EU trong tháng 7/2023 đạt 13,54 triệu USD, giảm 3,4% so với tháng 6/2023, tăng 5,0% so với tháng 7/2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang EU chiếm 26,2% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước, đạt 110,39 triệu USD, giảm 17,7% so với cùng kỳ năm 2022.

7 tháng đầu năm 2023, Tây Ban Nha là thị trường thuộc EU nhập khẩu nhiều nhất sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam, đạt 24,72 triệu USD, giảm 11,1% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp đến là các thị trường Pháp, Đức, Hà Lan, Italia, Ba Lan, Thụy Điển...

Tháng 7/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang EU giảm là do xuất khẩu cói đan và tre đan giảm; ngược lại, xuất khẩu thảm, lục bình đan và mây đan tăng so với tháng 6/2023 và tháng 7/2022.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thảm sang EU tăng 0,7% so với cùng kỳ năm 2022, mây đan tăng 2,8%, cói đan giảm 32,9%, tre đan giảm 36,7% và lục bình đan giảm 12,7%.

Theo thống kê của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), nhập khẩu mây, tre, cói và các sản phẩm tết bên khác (HS 46) của EU trong tháng 5/2023 đạt 81,57 triệu EUR, tăng 4,5% so với tháng 4/2023, giảm 33,8% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mây, tre, cói, thảm của EU đạt 410,0 triệu EUR, giảm 30,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của EU từ Việt Nam trong tháng 5/2023 đạt 8,53 triệu EUR, giảm 5,3% so với tháng 4/2023, giảm 47,0% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mây, tre, cói, thảm từ Việt Nam đạt 44,21 triệu EUR, giảm 43,9% so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 10,78% tỷ trọng, giảm so với mức 13,33% của cùng kỳ năm 2022.

Trong số các thị trường EU, thì Thụy Điển là thị trường mà sản phẩm mây, tre của Việt Nam có thị phần lớn nhất, chiếm 35,0% tổng kim ngạch nhập khẩu mây, tre, cói, thảm của nước này, giảm nhẹ so với mức 35,3% của cùng kỳ năm 2022. Tiếp đến, tại Romani chiếm 20,8%, Đức chiếm 19,5%, Đan Mạch chiếm 17,0%, Bulgari chiếm 12,8%, Ba Lan chiếm 11,1%,...

- *Thị trường Mỹ:* Xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang thị trường Mỹ trong tháng 7/2023 đạt 27,44 triệu USD, giảm 7,3% so với tháng 6/2023, nhưng tăng 20,8% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang Mỹ chiếm 38,4% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước, đạt 171,73 triệu USD, giảm 27,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 7/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang Mỹ giảm so với tháng 6/2023 là do xuất khẩu thảm giảm 16,3% và cói đan giảm 6,5%; ngược lại, xuất khẩu lục bình đan tăng 6,5%, tre đan tăng 46,7% và mây đan tăng 25,1%.

Tính chung trong 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu các chủng loại mây, tre, cói, thảm sang Mỹ đều giảm so với cùng kỳ năm 2022. Thảm vẫn là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 56% tổng kim ngạch, đạt 90,4 triệu USD, giảm 27,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu sản phẩm mây, tre, cói và các sản phẩm tết bên khác (HS 46) của Mỹ trong tháng 6/2023 đạt 45,90 triệu USD, giảm 1,8% so với tháng 5/2023 và giảm 24,1% so với cùng kỳ năm 2022. Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Mỹ đạt 283,35 triệu USD, giảm 37,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Đáng chú ý, nhập khẩu mây, tre, cói, thảm của Mỹ từ các thị trường Trung Quốc, Ấn

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Độ, Mexico, Indonesia giảm trong tháng 6/2023, thì nhập khẩu từ Việt Nam tăng nhẹ 5,5% so với tháng 5/2023.

Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mây, tre, cói, thảm của Mỹ từ hầu hết các thị trường giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam giảm mạnh 39,5% so với cùng kỳ năm 2022, đạt 52,51 triệu USD, chiếm 18,5% tỷ trọng - giảm so với mức 19,1% của cùng kỳ năm 2022, đưa Việt Nam xuống thứ 3 sau Trung Quốc và Ấn Độ trong các thị trường cung cấp sản phẩm mây, tre, cói, thảm cho Mỹ.

**Thị trường xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 7/2023 và 7 tháng đầu năm 2023**

Thị trường	Tháng 7/2023 (nghìn USD)	So với tháng 6/2023 (%)	So với tháng 7/2022 (%)	7 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với 7 tháng đầu năm 2022 (%)
<b>Tổng</b>	<b>61.758</b>	<b>-9,4</b>	<b>14,3</b>	<b>421.170</b>	<b>-20,9</b>
EU	13.539	-3,4	5,0	110.386	-17,7
<i>Tây Ban Nha</i>	2.720	-10,0	3,3	24.722	-11,1
<i>Pháp</i>	2.047	-26,6	62,0	18.366	-14,4
<i>Đức</i>	2.352	-1,2	-17,0	17.672	-27,1
<i>Hà Lan</i>	1.554	13,2	36,2	14.598	6,7
<i>Italia</i>	766	-18,0	-38,0	7.833	-26,6
<i>Ba Lan</i>	595	-3,6	-20,4	5.878	10,5
<i>Thụy Điển</i>	732	-10,3	23,3	5.229	-22,7
<i>Bỉ</i>	487	-18,8	-27,0	4.141	-50,5
<i>Hy Lạp</i>	643	181,9	226,3	2.470	-0,3
<i>Đan Mạch</i>	221	-23,0	-54,9	2.346	-59,0
<i>Rumani</i>	202	22,6	-29,3	1.654	15,8
<i>Bồ Đào Nha</i>	171	-25,2	-45,9	1.273	-24,8
<i>Ai Len</i>	263	137,1	81,8	1.092	-33,8
<i>Síp</i>	109	-10,9	-	655	-
<i>Phần Lan</i>	179	1.596,3	981,3	627	-43,6
<i>Hungary</i>	275	2.070,0	-	599	402,8
Mỹ	27.444	-7,3	20,8	161.729	-27,5
Nhật Bản	5.327	2,4	-8,1	32.174	-11,5
Anh	2.850	-25,4	98,2	25.998	-3,7
Ấn Độ	3.098	-7,5	40,4	22.635	-11,0
Hàn Quốc	1.405	-24,3	-14,7	11.758	-14,7
Canada	924	-34,4	36,3	8.194	-40,5
Australia	1.189	-13,1	-22,9	7.697	-50,1
Mexico	1.092	-31,4	103,2	5.757	38,3
Ixraen	389	-43,9	8,8	4.521	140,8
Trung Quốc	477	-25,9	-23,2	4.003	-30,4
Malaysia	511	-0,3	349,8	3.092	119,7
Đài Loan	569	30,8	-1,6	2.494	3,4
UAE	193	-44,7	-47,1	2.344	-4,0
Thái Lan	355	16,2	31,1	2.082	-17,7
Ả Rập Xê út	295	-56,6	29,1	1.814	15,9
Thổ Nhĩ Kỳ	248	29,5	110,6	1.100	45,3
Việt Nam	72	-58,1	-	1.040	-
Nam Phi	196	63,9	-49,2	1.035	-23,6
Chilê	159	9,6	-42,9	851	-69,0

Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan



## Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ

(Từ ngày 08/8/2023 đến 22/8/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ ngày 08/8/2023 đến 22/8/2023 đạt 30,30 triệu USD, tăng 6,9% so với kỳ trước (từ ngày 25/7/2023 đến 08/8/2023). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 17,03 triệu USD, tăng 3,4% so với kỳ trước; lục bình đan đạt 4,10 triệu USD, tăng 1,9%; cói đan 2,68 triệu USD, tăng 13,2%; tre đan đạt 2,63 triệu USD, tăng 14,6%; mây đan đạt 1,43 triệu USD, giảm 18,1%.

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm được xuất khẩu sang 51 thị trường; trong đó, xuất khẩu sang thị trường Mỹ đạt 11,26 triệu USD, tăng 139,6% so với kỳ trước; Nhật Bản đạt 4,93 triệu USD, tăng 47,9%; Tây Ban Nha đạt 1,42 triệu USD, tăng 52,6%...

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Salon tre Set-001, quy cách: ghế đôi: 160x75x94cm, ghế đơn: 78x75x94cm, bàn: 100x70x35cm, xuất khẩu sang thị trường Ixraen có giá 290 USD/bộ (FOB cảng Cát Lái); đôn cốt tre, khảm trai, (D91.5xH40.5cm), xuất khẩu sang thị trường Australia có giá 136,4 USD/cái (FOB cảng Tân Vũ); bàn tre (200 x 80 x H75 cm), xuất khẩu sang thị trường Đan Mạch có giá 115,0 USD/cá (FOB cảng Cái Mép)...

### Một số lô hàng mây, tre, cói, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đan Mạch	Bàn tre BAMTABLE80X200 (200x80xH75 cm)	Cái	20	115,0	Cái Mép
	Ghế tre BAMCOUCH (76x176xH26/70 cm)	Cái	30	65,0	Cái Mép
	Sọt mây (1 bộ = 3 cái), Kích thước: 53x43xh28/3 6cm, 48x38xh25 /29cm, 42x33xh21/25cm	Bộ	20	64,5	Hải Phòng
	Giỏ cói tròn Dia43 x H61 cm	Cái	240	17,6	Cảng Xanh
	Thảm đay, kích thước: 50x93xh1.8cm	Cái	30	16,8	Hải Phòng
	Thang tre BAMLADDER (H200x 60 cm)	Cái	120	7,5	Cái Mép
Đức	Thùng cói 66x42xH37, 61x37xH35, 37x30xH24, 36x26xH17, 32x22xH15, 31x23xH14 cm	Bộ	30	67,7	Cảng Xanh
	Giỏ cói, kt: 65x45x30 cm	Cái	40	38,8	Cái Mép
	Thùng tre D35/47/31 x H30/49,D20/32/16xH25/40 cm	Bộ	30	31,5	Cảng Xanh
	Đế để nền bằng song mây D28 x H30,D22xH26 cm	Bộ	30	26,0	Cảng Xanh
	Vòng quần bằng cói, kt: D50xH25cm	Cái	40	25,3	Cái Mép
	Giỏ bèo, kt: 65x30cm	Cái	35	17,0	Cái Mép
Anh	Giỏ (mây đan) (57x37.5x60cm)	Cái	150	36,3	Cái Mép
	Giá đỡ sơn mài, cốt tre, kích thước 66 x 60 x 11 cm	Bộ	194	32,6	Nam Định Vũ
	Thùng giặt chữ nhật (mây đan) (46x36x57cm)	Cái	200	29,0	Cái Mép
	Hộp sơn mài, cốt tre, kích thước 20 x 16 x 13 cm	Cái	96	16,0	Nam Định Vũ
	Khay sơn mài, cốt tre, kích thước 40 x 35 x 5 cm	Cái	800	15,2	Nam Định Vũ
	Bàn sơn mài cốt tre, kích cỡ 46x30xH67cm	Cái	200	14,9	Cái Mép
	Chụp đèn mây hình tròn Dia50xH49cm	Cái	432	14,5	Lạch Huyện
Australia	Đôn cốt tre, khảm trai, (D91.5xH40.5cm)	Cái	34	136,4	Tân Vũ
	Thùng mây tròn dia 40, H40 cm	Cái	200	28,6	Tân Vũ
	Nôi mây, kích thước: 45x34x35 (cm)	Cái	25	28,3	Hải An
	Chao đèn bằng mây hình tròn, kích thước D60 * H60 cm	Cái	30	27,0	Tân Vũ
	Giỏ mây kích cỡ 45x30xH25 cm	Cái	100	23,9	Hải Phòng
	Thùng giặt (lục bình)(46x46x62.5cm)	Cái	140	20,0	Transimex
	Sọt mây, màu tự nhiên, kích thước: Dia25 x H25/70 cm	Cái	312	17,9	Hải Phòng
	Khung gương mây làm từ mây, kích thước: D90 cm	Cái	260	16,2	Tân Vũ
Ba Lan	Giỏ cói tròn Dia43 x H61 cm	Cái	650	17,6	Cảng Xanh

**Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Thang trang trí bằng tre. QC: 150x40x4 cm	Cái	2.360	5,3	Cát Lái
Braxin	Chao đèn bằng tre hình oval, kích thước L60 * W40 * H25 cm	Cái	50	24,2	Cảng Xanh
	Bát tre BN123401 KT: Dia 42cm x 8 cm	Cái	374	13,4	Lạch Huyện
	Khay tre BN123403 KT: 43cm x 18cm x 3cm	Cái	400	11,7	Lạch Huyện
	Lọ tre BN123402 KT: Phi 19cm x 48cm	Cái	300	11,0	Lạch Huyện
	Quạt treo tường cói SU23 41; KT: 44cm x 29cm x 2cm	Cái	1.000	8,6	Nam Định Vũ
Canada	Giỏ đan lục bình bộ 7 mã KL2331 (72 x 44 x 47 cm)	Bộ	70	43,5	Transimex
	Thùng cói tròn có nắp D45xH51/69 cm	Cái	80	14,7	Nam Định Vũ
	Kệ treo tường 2 tầng đan tre kích cỡ 22x12xH9/27/37 cm	Cái	40	13,8	Hải Phòng
	Khay tre (bộ 3) kích cỡ D45xH6/11 cm; D40xH5/10cm; D35xH4/10 cm	Bộ	260	12,0	Hải Phòng
	Giỏ cói oval 54.5x39xH33/38 cm	Cái	80	11,5	Nam Định Vũ
Ấn Độ	Thùng mây xiên guột tròn có nắp D40xH40/46 cm	Cái	25	37,3	Tân Vũ
	Bộ khay mây L40W30H12 /L36W25H12/L33W23H11/L30W20H10 cm	Bộ	50	33,5	Tân Vũ
	Khay sơn mài, cốt tre, nhiều màu, kích thước 40x25x4 cm	Cái	300	16,8	Hải Phòng
	Thùng bèo tròn có nắp sơn màu nâu lót vải D46xH52/56 cm	Cái	37	16,4	Tân Vũ
	Bộ 3 giỏ bèo L44W30H20 cm/ L40W26H18 cm/ L33W22H15 cm	Bộ	200	9,5	Tân Vũ
Hà Lan	Thùng cói tròn D40xH68 cm	Cái	200	25,6	Cái Mép
	Sọt lục bình, D=47cm*H18cm, D=42cm*H16cm, D=37*H14cm, D32*H12cm, D27*H10cm	Bộ	156	12,5	Cái Mép
	Chao đèn tre sân xuất từ tre đan. Dia 60 x H 14 cm	Cái	100	12,0	Cái Mép
	Khay mây, kích thước: 36 x 35 x H16 cm	Cái	300	9,9	Tân Vũ
Hàn Quốc	Rá cật tre tròn bộ 5, L: Dia60 x h7 cm	Bộ	110	7,7	Hải An
	Sàng tre bộ 3, L: Dia60 x H5 cm	Bộ	1.000	7,1	Hải An
	Chuồng cho thú bằng bẹ chuối Dia 37x33cm	Cái	300	6,6	Cát Lái
Italia	Kệ 4 tầng, khung g tre ép, khay bằng gỗ MDF 99x35x35 cm	Cái	60	18,6	Hải Phòng
	Túi xách vật liệu thực vật đã tét bện. L X W X H: 40.7 X 12 X 29 cm	Cái	650	17,1	Cát Lái
	Kệ có 3 khung bằng tre ép, kích thước 82x41.5x24 cm	Cái	120	11,8	Hải Phòng
Ixraen	Salon tre Set-001, quy cách: ghế đôi: 160x75x94cm, ghế đơn: 78x75x94cm, bàn: 100x70x35cm	Bộ	70	290,0	Cát Lái
	Bàn tre TA-159, quy cách: 50x50x45cm	Cái	40	17,0	Cát Lái
Mexico	Chao đèn mây, kt D80 x h25cm	Cái	50	24,9	Lạch Huyện
	Sọt cói bộ 2 chiếc, KT D33 x h30cm, D37 x h35cm	Bộ	25	23,4	Lạch Huyện
	Chao đèn mây, kt 80 x 60 x h40cm	Cái	50	23,2	Lạch Huyện
	Sọt lục bình bộ 2, KT: 44x44x40/52cm; 37x37x38/50cm	Bộ	200	20,6	Cát Lái
	Chao đèn tre bộ 2 chiếc, kt D30 x h28cm, D35 x h32cm	Bộ	50	13,6	Lạch Huyện
Mỹ	Bàn sơn mài cốt tre kích cỡ 152x36xH79 cm	Cái	40	111,0	Tân Vũ
	Chao đèn đay tự nhiên và phụ kiện điện. Kích thước: 81x71xH12cm	Cái	180	65,9	Lạch Huyện
	Thùng cói tròn kích thước D56x H 68cm	Cái	40	48,3	Hải An
	Rương chữ nhật (lục bình và gỗ trầm) (87x47x50cm)	Cái	250	39,9	Cái Mép
	Đèn sơn mài cốt tre kích cỡ 46x46x50cm	Cái	100	28,5	Tân Vũ
	Giỏ lục bình bộ 6 (1 bộ= 6 cái) (17x17x16, 15x15x14, 12x12x12.5, 14x10.3x8.5, 12.3x9x8, 10.8x7.3x7) inch	Bộ	625	25,4	Gemalink
	Rèm cửa bằng tre kích thước 72" x 72"	Cái	48	24,8	Lạch Huyện
	Hộp cói chữ nhật 20.5x25.5xH30cm	Cái	80	19,1	Hải An
Nga	Rương nắp phẳng đan cói, ngô KT (60x40xH40)	Bộ	30	28,2	Đồng Đăng
	Thùng đan cói, bèo bộ 4 KT(60cm 50cm x H40cm)	Bộ	30	25,3	Đồng Đăng
	Giỏ đan guột bộ 3 KT(48cm x 36cm x H15/33cm)	Bộ	90	12,4	Đồng Đăng
	Hộp cói bộ 4, kích thước: 43x29 H20 40x25xh18, 33x22xh14, 30x15h11(cm)	Bộ	222	9,2	Cảng Xanh
Pháp	Chao đèn mây, kích cỡ D80xH38 cm	Cái	324	23,5	Tân Vũ
	Giỏ mây có nắp D44x h50/60 cm	Cái	62	18,8	Tân Vũ
	Khung gương đay, kích cỡ D100xH3cm	Cái	210	18,2	Cảng Xanh

## Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Quạt treo tường sơn mài cốt tre, kích cỡ 155x4xH75cm-	Cái	408	15,3	Tân Vũ
Phần Lan	Bộ 9 sọt lục bình, KT: 45x45x39cm	Bộ	800	24,3	Cái Mép
	Sọt mây oval, KT: 45.5x37.5x45.5cm	Cái	100	23,0	Cái Mép
Tây Ban Nha	Kệ mây hình chữ nhật 86x46xH65 cm	Cái	150	62,4	Cảng Xanh
	Ghế mây, kích thước: 105X64X47 cm	Cái	20	34,5	Lạch Huyện
	Khung gương mây, kích thước: 152 x 79 (cm)	Cái	90	34,0	Lạch Huyện
	Mành trúc TRMAN-0045-01, kích thước: 200 x 90 (cm)	Cái	100	26,0	Lạch Huyện
	Giá mây treo tường L60 x W23 x H66 cm	Cái	180	18,5	Cảng Xanh

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

## THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

### Thị trường gỗ Trung Quốc ghi nhận mức tăng trưởng trong Chỉ số gỗ toàn cầu (GTI)

Theo Tổ chức Gỗ Nhiệt đới Quốc tế (ITTO), thị trường gỗ của Trung Quốc đã tăng trưởng vào tháng 7/2023, với Chỉ số Gỗ Toàn cầu (GTI) của quốc gia này đạt 53%, đây là lần thứ hai kể từ tháng 4/2023, chỉ số này vượt ngưỡng 50%, cho thấy sự tăng trưởng của ngành.

Theo ấn bản mới nhất của Báo cáo GTI, sự phục hồi diễn ra khi 13 cơ quan chính phủ ở Trung Quốc ban hành Thông báo về một số biện pháp nhằm thúc đẩy tiêu thụ đồ nội thất gia đình.

Tin tức cũng tích cực đối với ngành gỗ ở Gabon, nơi GTI tăng 7 điểm phần trăm trong tháng 7/2023 đạt 51,3%, do các yếu tố như khối lượng khai thác lớn hơn, số lượng nhân công cao hơn trong cả sản xuất và quản lý, và năng động hơn trong vận chuyển.

Đối với các quốc gia khác, ITTO báo cáo ngành gỗ tương đối ổn định ở Indonesia và Braxin trong tháng 7/2023. GTI của Indonesia ở mức 50%, giảm 5,3 điểm phần trăm, cho thấy mức độ tổng thể của ngành chế biến và sản xuất gỗ không thay đổi kể từ tháng 6/2023.

Mặc dù GTI của Braxin vẫn nằm trong phạm vi giảm trong tháng 7/2023 ở mức 35,3% nhưng mức giảm là rất nhỏ so với tháng 6/2023.

Tin tức kém tích cực hơn ở các nước khác. GTI của Malaysia, Congo và Mexico lần lượt là 34,7%, 34,8% và 43,4%, với hoạt động tiếp tục sụt giảm cho thấy sự chậm chạp của thị trường gỗ của các quốc gia này.

Ấn bản tháng 7/2023 của Báo cáo GTI đã cập nhật những thách thức mà ngành gỗ phải đối mặt, theo báo cáo của các doanh nghiệp tham gia GTI. Các quốc gia sản xuất gỗ đã chứng kiến nhu cầu xuất khẩu giảm trong năm 2023 do nhu cầu thị trường quốc tế giảm và một số doanh nghiệp ở Braxin đã cho công nhân nghỉ việc do không đủ đơn hàng để đáp ứng.

Các công ty ở Congo cho biết nhu cầu đối với các loài như okoume và ayous ở các thị trường châu Á, đặc biệt là Trung Quốc, đã giảm rõ rệt. Do lệnh cấm xuất khẩu gỗ ở Congo, Trung Quốc chỉ nhập khẩu 2,614 triệu m<sup>3</sup> okoume trong tháng 6/2023, giảm 95% so với cùng tháng 6/2022 và giảm 90% so với tháng 5/2023.

Các doanh nghiệp tham gia GTI đã đưa ra nhiều đề xuất khác nhau để giải quyết các thách thức ở quốc gia của họ. Ví dụ, các doanh nghiệp ở Mexico đề xuất các chính sách mới nhằm nâng cao nhận thức mua sắm xanh và các doanh nghiệp Gabon cho biết họ đang tìm cách đa dạng hóa sản phẩm để tăng khả năng cạnh tranh.

## **7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu đồ nội thất, giấy và lâm sản của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 4,58 tỷ USD**

Theo số liệu do Hiệp hội các nhà xuất khẩu đồ nội thất, giấy và lâm sản Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ, xuất khẩu đồ nội thất, giấy và lâm sản của nước này trong 7 tháng đầu năm 2023 đạt 4,58 tỷ USD. Ngành đồ nội thất, giấy và lâm sản, đặt mục tiêu xuất khẩu đạt 10 tỷ USD trong năm 2023.

Trong tháng 7/2023, xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất, giấy và lâm sản của Thổ Nhĩ Kỳ đạt 609 triệu USD. Trong đó, xuất khẩu đồ nội thất chiếm tỷ trọng lớn nhất trong ngành, đạt 343 triệu USD. Tính chung 7 tháng đầu năm 2023, mặt hàng đồ nội thất xuất khẩu đạt 2,61 tỷ USD. Đồ nội thất của Thổ Nhĩ Kỳ xuất khẩu chủ yếu tới Irắc, Israel và Anh. Trong đó, xuất khẩu sang Irắc đạt 577,6 triệu USD. Tiếp theo là quốc gia láng giềng Israel, đạt 238,6 triệu USD, trong khi Anh đứng thứ ba đạt 229 triệu USD; tiếp theo là Đức và Iran. Đáng chú ý, xuất khẩu đồ nội thất của Thổ Nhĩ Kỳ sang Nga trong 7 tháng đầu năm 2023, đạt 131,5 triệu USD, tăng 55,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo Chủ tịch Hiệp hội các nhà xuất khẩu đồ nội thất, giấy và lâm sản Istanbul, các khoản đầu tư vào lĩnh vực này đã tăng tốc và tương lai của lĩnh vực này trở nên rõ ràng hơn. Trong khi tăng tỷ lệ xuất khẩu, ngành đồ nội thất, giấy và lâm sản tiếp tục đặt mục tiêu thiết lập các chiến lược xuất khẩu mới để được những kết quả tích cực trong ngắn hạn và trung hạn. Để đạt được mục tiêu này, ngành đồ nội thất, giấy và lâm sản bổ sung Chiến lược của Tổ chức các nước hợp tác Hồi giáo (OIC) vào Chiến lược các nước xa do Bộ Thương mại đưa ra năm 2022 và mở rộng tuyến xuất khẩu.

Theo dữ liệu của Hiệp hội các nhà xuất khẩu Thổ Nhĩ Kỳ (TIM), xuất khẩu đồ nội thất, giấy và lâm sản vào năm 2022 đạt 8,44 tỷ USD, tăng 20,8% so với năm 2021, đây là mức cao nhất trong nhiều năm qua.

## **THAM KHẢO**

### **Thương vụ Việt Nam tại Malaysia lưu ý về phòng ngừa lừa đảo thương mại**

Theo Thương vụ Việt Nam tại Malaysia, với những hợp đồng lớn, các doanh nghiệp nên phối hợp với Thương vụ để có được sự hỗ trợ để xác định tính pháp lý của doanh nghiệp và xử lý nhanh những vấn đề phát sinh.

Thương vụ Việt Nam tại Malaysia khẳng định luôn ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xác định, tìm hiểu thông tin và đánh giá tiềm năng của đối tác để tạo điều kiện thúc đẩy giao thương giữa hai nước, tránh những rủi ro không đáng có.

Việc gian lận và lừa đảo thương mại là những việc thường xuyên xảy ra trong giao thương quốc tế do bên mua và bên bán không giao dịch trực tiếp mà chỉ thông qua thư điện tử hay trao đổi qua điện thoại.

Do vậy người bán không xác định được chính xác thông tin cần thiết và minh bạch, trong khi đối tượng lừa đảo đã chuẩn bị rất kỹ những thông tin, tài liệu, hình ảnh thuyết phục để tạo lòng tin với đối tác, khiến người bán rất dễ bị nhầm lẫn và lúng túng.

Việc lừa đảo trong giao thương để chiếm đoạt tài sản thường xảy ra hơn so với các vụ gian lận thương mại.

Trong bối cảnh giao thương quốc tế tiềm ẩn nhiều rủi ro, các doanh nghiệp cần trang bị những kỹ năng cần thiết để tránh bị thiệt hại.

## **Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ**

Với những hợp đồng lớn, các doanh nghiệp nên phối hợp với Thương vụ để có được sự hỗ trợ từ phía địa bàn trong các khâu như gặp trực tiếp đối tác, xác định tính pháp lý của doanh nghiệp và xử lý nhanh những vấn đề phát sinh.

Thương vụ có thể dễ dàng và nhanh chóng xác định được tên, địa chỉ của doanh nghiệp và mã số kinh doanh.

Ngoài ra, doanh nghiệp nên xác định địa chỉ của đối tác thông qua Google Map để xác định địa chỉ có tồn tại hay không.

Bên cạnh đó, cần kiểm tra website của doanh nghiệp để xác định những thông tin có trùng khớp hay không, đặc biệt là lưu ý số điện thoại cố định và những giấy tờ có dấu của doanh nghiệp.

Lưu ý tại Malaysia, tên doanh nghiệp thường đi cùng với loại hình doanh nghiệp. Ví dụ, sau tên công ty có cụm từ Bhd là công ty, Sdn là công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.

Những doanh nghiệp trao đổi bằng số điện thoại di động thường không đáng tin cậy và nên sử dụng cuộc gọi video trực tuyến (video call) để nhận diện đối tác.

Để xác định năng lực tài chính của doanh nghiệp đối tác, Thương vụ thường phải trả phí để các cơ quan chức năng Malaysia cung cấp thông tin.

Đối với khâu thanh toán, lưu ý doanh nghiệp cần tìm hiểu nguyên tắc, thông lệ quốc tế để nắm rõ vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan, qua đó xem xét lựa chọn các phương thức và điều kiện thanh toán hợp lý, đảm bảo lợi ích cho doanh nghiệp.

Hạn chế hoặc không ứng trước tiền hàng với giá trị lớn; nên sử dụng các hình thức thanh toán có độ an toàn cao hơn như thư tín dụng không thể hủy ngang.

Gọi trực tiếp trước khi chuyển tiền và đề nghị có sự xác nhận trực tiếp của doanh nghiệp. Địa chỉ nhận tiền phải là tên doanh nghiệp không phải là tên cá nhân.

Ngoài ra, khuyến nghị các doanh nghiệp xuất khẩu kết nối với một số đối tác ở Malaysia thực hiện một số bước thăm định, hợp tác với các công ty có uy tín hoặc thâm niên.

Bước này thường sẽ phải trả phí. Thông thường, các chính phủ đều có Đại sứ quán hay Văn phòng đại diện thương mại tại các nước, do vậy doanh nghiệp có thể kiểm tra thông qua các cơ quan này.

Malaysia có các Phòng Thương mại và một số hiệp hội, trong đó có nhiều doanh nghiệp tham gia. Theo đó, các doanh nghiệp không nên vội vàng và cần phải trực tiếp đến Malaysia để tìm hiểu môi trường kinh doanh, cách thức hoạt động của doanh nghiệp ở Malaysia; tham gia một số sự kiện có sự góp mặt của các doanh nhân Malaysia.

Cùng với đó, các doanh nghiệp mong muốn làm việc tại Malaysia nên đến nước sở tại để gặp luật sư, nhân viên kế toán và tư vấn thuế để giúp tiết kiệm chi phí, tránh được nhiều vấn đề rắc rối, đảm bảo quyền lợi cho các doanh nghiệp.

Do Malaysia có rất nhiều hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ ở các Phòng Thương mại để hỗ trợ doanh nghiệp, chuẩn bị một hợp đồng tốt với những điều khoản rõ ràng sẽ giúp doanh nghiệp tránh được những tranh chấp xảy ra.

Vì vậy, các doanh nghiệp cần phải chuẩn bị thật kỹ lưỡng trước khi bắt đầu hợp tác và giữ mối liên hệ chặt chẽ với Đại sứ quán và Thương vụ.

---

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **54/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 26 tháng 8 năm 2022

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**